



Tổ chức
Lao động
Quốc tế

► Sổ tay Nghề nghiệp tra cứu nhanh



THƯ NGỎ

Trang điện tử Hướng nghiệp 4.0 (huongnghiep40.vn) ra đời với mục đích góp phần vào công cuộc định hướng nghề nghiệp cho các bạn học sinh THPT và sinh viên Việt Nam, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang bùng nổ mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Bằng việc cung cấp những thông tin đa chiều, thiết thực và bổ ích về các ngành nghề có sức nóng và tiềm năng phát triển bền vững trong tương lai dài hạn thông qua các tin tức tổng hợp cùng những góc nhìn sâu rộng của các chuyên gia uy tín ở nhiều lĩnh vực như hướng nghiệp, khởi nghiệp, giáo dục, công nghệ thông tin, kinh tế, xã hội, tài chính ngân hàng..., trang điện tử huongnghiep40.vn được kỳ vọng sẽ mang đến những kiến thức nền tảng hữu ích về các ngành nghề trong xã hội cũng như thị trường nhân lực Việt Nam và thế giới.

Trang điện tử huongnghiep40.vn cam kết được xây dựng và phát triển với mục đích hoàn toàn phi lợi nhuận. Tất cả các bài viết và ebook được tổng hợp, đăng tải và chia sẻ tại đây đều có thể xem và tải về miễn phí, với mục đích góp thêm những cơ hội làm giàu kiến thức cho tất cả mọi người.

Chúc bạn đọc có được những thông tin bổ ích và định hướng nghề nghiệp đúng đắn cho tương lai.

Trân trọng,

Ban biên tập website huongnghiep40.vn

► Sổ tay Nghề nghiệp tra cứu nhanh



Do dự án “Áp dụng Chiến lược Đào tạo G20:
Hợp tác giữa ILO và Liên bang Nga” (Pha 2)
Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế
tại Việt Nam giới thiệu

▶ Bản quyền © thuộc về Tổ chức Lao động Quốc tế, 2020

Xuất bản lần đầu năm 2014

Tái bản lần 2 (có sửa đổi) tháng 9 năm 2020

Ấn phẩm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) được công nhận bản quyền theo Nghị định 2 của Công ước Quốc tế về Bản quyền. Tuy nhiên, một số nội dung có thể trích dẫn ngắn gọn mà không cần xin phép, với điều kiện phải ghi rõ nguồn gốc trích dẫn. Đối với quyền tái bản hoặc dịch thuật, phải được đăng ký với ILO là đại diện của cả hai Tổ chức: Bộ phận Xuất bản của ILO (Quyền và Cho phép xuất bản), Văn phòng Lao động Quốc tế, theo địa chỉ CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ, hoặc qua email: rights@ilo.org. Tổ chức Lao động Quốc tế luôn khuyến khích việc đăng ký này.

Thư viện, viện nghiên cứu, và những người sử dụng đã đăng ký với các tổ chức cấp quyền tái bản có thể sao chép thông tin theo giấy phép ban hành cho mục đích này. Truy cập vào trang web www.ifrro.org để biết thêm thông tin về các tổ chức cấp quyền sử dụng tại quốc gia mình.

Sổ tay nghề nghiệp tra cứu nhanh

ISBN: 9789220330524 (Print)

ISBN: 9789220330517 (Web PDF)

Các quy định trên phù hợp với nguyên tắc ứng xử của Liên Hợp Quốc, và việc đưa ra các ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền hoặc vùng phân định biên giới nào.

Việc trích dẫn một phần ấn phẩm của ILO trong các bài báo, nghiên cứu, hay tuyên bố đó là thuộc trách nhiệm của các tác giả. Việc phát hành các ấn phẩm có trích dẫn không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực cho những quan điểm này.

Ấn phẩm của ILO không phục vụ mục đích quảng cáo khi nhắc đến tên các công ty, sản phẩm và các quy trình. Tương tự, khi một công ty, sản phẩm hay quy trình không được nhắc đến trong báo cáo không có nghĩa là ILO không ủng hộ công ty, sản phẩm hay quy trình đó.

Có thể tìm được các xuất bản phẩm và các sản phẩm điện tử của Tổ chức Lao động Quốc tế tại www.ilo.org/publns.

In tại Việt Nam

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn trẻ, các thầy cô giáo và các quý phụ huynh học sinh thân mến!

Bộ tài liệu Hướng nghiệp cho học sinh lứa tuổi 14-19 ở Việt Nam là thành quả của sự hợp tác chặt chẽ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Năm 2014-2015, bộ tài liệu đã được biên soạn, thẩm định và ban hành. Sau 5 năm triển khai trên thực tế, bộ tài liệu này đã mang đến một nguồn kiến thức hữu ích cho các cơ sở tư vấn định hướng nghề nghiệp. Tuy nhiên, không có công cụ nào là hiệu quả mãi mãi, đặc biệt là ở tại một quốc gia và thị trường lao động năng động như Việt Nam. Do vậy, đầu năm 2020, Bộ tài liệu này lần đầu tiên được hiệu chỉnh, cũng như cập nhật thêm nhiều nghề nghiệp thông dụng ở Việt Nam.

Đây là một bộ tài liệu hướng nghiệp được thiết kế dành cho các bạn trẻ khi gặp phải những khó khăn trong việc đưa ra quyết định liên quan đến con đường học tập và đào tạo, cũng như tương lai của họ. Ở lứa tuổi 14 đến 19, các em học sinh bắt đầu bước vào thời kỳ lựa chọn giữa việc học nghề và học văn hoá, liên quan đến việc chọn trường, chọn nghề phù hợp với mình. Trong giai đoạn này, các em cần phải tìm ra được không chỉ là mình yêu thích điều gì và thế mạnh, năng lực sở trường của mình là gì, mà còn phải biết các yêu cầu chuyên môn để thực hiện được công việc trong ngành nghề mà các em định lựa chọn. Do vậy, **bộ tài liệu hướng nghiệp** sẽ hỗ trợ rất hữu ích cho các em học sinh trong quá trình đưa ra quyết định này.

Sách hướng dẫn giáo viên trong bộ tài liệu sẽ mang đến cho người dạy những lý thuyết khác nhau về hướng nghiệp, từ đó người dạy sẽ giúp người học dần dần nắm được các vấn đề xung quanh việc định hướng và chọn ngành nghề.

Sách bài tập lại giúp cho học sinh áp dụng những lý thuyết trên theo kinh nghiệm của bản thân cho việc ra quyết định thông qua các bài tập cụ thể. Qua đó, học sinh có thể tự khám phá được những sở thích của bản thân mình.

Sách tra cứu nghề (bản đầy đủ) và **Sổ tay nghề nghiệp tra cứu nhanh** (bản tóm tắt) trong bộ tài liệu có thể được coi như những “cuốn từ điển” về các nghề nghiệp phổ biến nhất ở Việt Nam. Trong đó, các nghề được sắp xếp vào các nhóm nghề cụ thể, cùng với những yêu cầu về bằng cấp và năng lực mà học sinh cần có, cũng như những mô tả nhiệm vụ công việc chi tiết. **Sách tra cứu nghề** còn chỉ ra con đường học tập mà các em nên đi theo để làm được nghề mà mình định lựa chọn cũng như đưa ra một số ví dụ về nơi làm việc. Bộ tài liệu sẽ giúp cho các em đưa ra những quyết định sáng suốt nhất cho tương lai nghề nghiệp của mình sau này.

Văn phòng ILO tại Việt Nam trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đối tác trong thời gian qua. Chúng tôi hy vọng **Bộ tài liệu hướng nghiệp** tiếp tục là tài liệu hỗ trợ hữu ích, mang tính thực tiễn cao đối với hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học.



Tiến sĩ Chang-Hee Lee

Giám đốc

Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) tại Việt Nam

FOREWORDS

Dear students, teachers, and parents,

The **Career Guidance Package** for Vietnamese students aged 14-19 is the fruit of a close collaboration between the Ministry of Education and Training and the International Labour Organization (ILO). Between 2014 and 2015, this Package was developed, tested, validated, and published. For the five subsequent years, it provided a useful source of knowledge for vocational counselling institutions. However, no tool can be effective forever, especially in a country and labour market as dynamic as Viet Nam's. Therefore in 2020 the original package was revised, and upgraded with the most recent information on common occupations in Viet Nam.

The revised package is designed to provide guidance to young people who have to make difficult choices for their education and training and therefore future. Between 14 and 19 years of age, students begin to consider whether they should follow vocational education and training or academic education, select a suitable school, and eventually, a job. Throughout this period, students are asked to figure out not only their interests, strengths, and potential, but also the requirements of the career options they will have to consider. The **Career Guidance Package** will provide valuable support to students in making such decisions.

In particular, **the Instruction Book for Teachers** will provide an overview of different theories in career guidance, for teachers and trainers to help students become familiar with the issues of career orientation and selection.

The **Student Workbook** helps learners apply the theories to their own experience and decision-making through practical exercises. This allows students to discover their own interests.

The **Career Research Book** (full version) and the **Quick Career Research Handbook** (compendium version) can be considered as 'dictionaries' of the most common occupations in Viet Nam. Occupations are organized by categories, along with their qualification and competency requirements, and task descriptions. The **Career Research Book** also shows the learning path that students should follow towards the occupation they plan to choose, as well as some examples of actual jobs. Taken together, this package will help students in making the best decisions for their future careers.

ILO Country Office for Vietnam would like to express appreciation to our partners for their cooperation over the years. We hope that this **Career Guidance Package** will prove a valuable, practical tool in support of career orientation in secondary schools.



Dr. Chang-Hee Lee
Country Director
ILO Country Office for Vietnam

MỤC LỤC

NHÓM NGHỀ NGÔN NGỮ	11
1. Giảng viên đại học, sau đại học (2311)	11
2. Giảng viên cao đẳng (2312)	11
3. Giáo viên trung cấp (2331)	11
4. Giáo viên trung học phổ thông (2332)	11
5. Giáo viên trung học cơ sở (2333)	11
6. Giáo viên ngoại ngữ (2353)	11
7. Chuyên viên quan hệ công chúng (2432)	12
8. Luật sư (2611)	12
9. Chuyên viên lưu trữ văn thư và quản lí bảo tàng (2621)	12
10. Thủ thư và nhân viên thư viện (2622, 4401)	12
11. Biên tập viên nhà xuất bản	12
12. Nhà nghiên cứu khoa học xã hội (2632)	12
13. Nhà khảo cổ học (2633)	12
14. Nhà sử học (2633)	13
15. Nhà biên kịch, nhà văn và các nghề có liên quan (2641)	13
16. Nhà báo (2642)	13
17. Nhà ngôn ngữ học (2643)	13
18. Biên dịch và phiên dịch (2643)	13
19. Đạo diễn phim, sân khấu (2654)	13
20. Phát thanh viên trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện truyền thông đại chúng khác (2656)	13
21. Kỹ thuật viên ghi chép sổ sách y tế và thông tin về sức khỏe (3252)	13
22. Kỹ thuật viên bảo tàng (3433)	14
23. Thư kí hành chính (3343, 3349)	14
24. Kỹ thuật viên phát thanh, truyền hình và nghe - nhìn (3521)	14
25. Nhân viên tổng đài dịch vụ khách hàng (4222)	14
26. Hướng dẫn viên du lịch (5113)	14
27. Nhân viên marketing và bán hàng (5223)	14
NHÓM NGHỀ PHÂN TÍCH - LOGIC	15
28. Nhà thiên văn học (2111)	15
29. Nhà khí tượng học (2112)	15
30. Nhà hoá học (2113)	15
31. Nhà địa chất (2114)	15

32.	Nhà địa lí (2114)	15
33.	Nhà toán học (2121)	16
34.	Nhà thống kê (2122)	16
35.	Thống kê bảo hiểm (2122)	16
36.	Nhà sinh vật học (2131)	16
37.	Nhà khoa học biển (2131)	16
38.	Kĩ sư và kĩ thuật viên công nghệ sinh học (2131)	16
39.	Kĩ thuật y sinh	17
40.	Nhà nông học (2132)	17
41.	Kĩ sư thủy sản (2132)	17
42.	Kĩ sư và kĩ thuật viên lâm nghiệp (2132)	17
43.	Chuyên gia bảo vệ môi trường (2133)	17
44.	Kĩ sư công nghiệp (2141)	17
45.	Chuyên gia công nghệ thực phẩm và đồ uống (2141)	17
46.	Kĩ sư xây dựng (2142)	17
47.	Kĩ sư ô tô (2144)	17
48.	Kĩ sư cơ khí (2144)	17
49.	Kĩ sư hoá học (2145)	18
50.	Kĩ sư luyện kim (2146)	18
51.	Kĩ sư vật liệu (2149)	18
52.	Kĩ sư điện (2151)	18
53.	Kĩ sư điện tử (2152)	18
54.	Kĩ sư viễn thông (2153)	18
55.	Kĩ sư vũ trụ, hàng không	18
56.	Bác sĩ Thú y (2250)	18
57.	Kỹ thuật viên Thú y (3240)	18
58.	Dược sĩ (2262)	19
59.	Kế toán (2411, 3313, 4311)	19
60.	Chuyên gia phân tích tài chính (2413)	19
61.	Chuyên gia quản trị dầu khí	19
62.	Chuyên gia quản trị giao thông (quản lí và điều hành giao thông vận tải)	19
63.	Chuyên gia quản trị năng lượng	19
64.	Chuyên gia phát triển phần mềm (2512)	19
65.	Nhà kinh tế học (2631)	19
66.	Chuyên viên thương mại quốc tế (2631)	20
67.	Chuyên viên ngân hàng, quỹ đầu tư (3312)	20
68.	Kĩ sư và kĩ thuật viên âm thanh (3521)	20
69.	Nhân viên giao dịch ngân hàng (4211)	20

70.	Giáo viên công nghệ thông tin (2356)	20
71.	Nhà thiết kế đồ họa và truyền thông đa phương tiện (2513)	20
72.	Nhà Quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính (2521)	20
73.	Kỹ thuật viên công nghệ thông tin (3511)	20
74.	Thủ quỹ (5230)	20
NHÓM NGHỀ HÌNH HỌC - MÀU SẮC		21
75.	Kỹ thuật viên bao bì (2149, 3139)	21
76.	Kỹ thuật viên in ấn (2149, 3139, 7321, 7322, 7323)	21
77.	Kỹ thuật viên ngành giấy (2149, 3139, 8143, 8172)	21
78.	Kỹ thuật viên may mặc và công nghệ có liên quan (2141, 3149)	21
79.	Kỹ thuật viên da giày (2141, 3149)	21
80.	Thợ thẩm mỹ (Làm đẹp) (5141, 5142)	22
81.	Kiến trúc sư xây dựng (2161)	22
82.	Kiến trúc sư cảnh quan/ nhà thiết kế cảnh quan (2162)	22
83.	Nhà thiết kế sản phẩm/ Mỹ thuật công nghiệp (2163)	22
84.	Nhà thiết kế thời trang (2163)	22
85.	Nhà trắc địa bản đồ (2165)	22
86.	Nhà thiết kế đồ họa và truyền thông đa phương tiện (2166)	22
87.	Kỹ thuật viên vẽ kỹ thuật (3118)	22
88.	Nhà thiết kế và trang trí nội thất (3432)	23
89.	Nhà thiết kế thủ công mỹ nghệ (3432)	23
90.	Họa sĩ biếm họa, truyện tranh (2651)	23
91.	Nghệ sĩ Mỹ thuật (2651)	23
92.	Nhà thiết kế quảng cáo (3435)	23
93.	Nhà quay phim (3521)	23
94.	Người làm vườn, vườn ươm và trồng hoa, cây cảnh (6113)	23
95.	Nhà thiết kế trang sức (7313)	24
96.	Thợ gốm sứ và thợ có liên quan (7314, 8181)	24
97.	Thợ vẽ biển quảng cáo, thợ trang trí và thợ có liên quan (7316)	24
98.	Thợ thủ công trong ngành đồ gỗ và trang trí nội thất (7213, 7313, 7314, 7315, 7316, 7317, 7521, 7522, 7523, 7319)	24
99.	Thợ thủ công trong ngành dệt may và da giày (7318, 7531, 7532, 7533, 7535, 7536)	24

100. Thợ vận hành máy sản xuất hàng dệt may và da giày (7533)	24
---	----

NHÓM NGHỀ LÀM VIỆC VỚI CON NGƯỜI	25
---	----

101. Bác sĩ y khoa (2211, 2212)	25
102. Y tá và hộ sinh (2221, 2222)	25
103. Bác sĩ y học cổ truyền (2230)	25
104. Nha sĩ (2261)	25
105. Chuyên gia phục hồi chức năng nghề nghiệp (2263)	25
106. Chuyên gia vật lý trị liệu (2264, 3255)	25
107. Chuyên gia dinh dưỡng (2265)	25
108. Bác sĩ thính học và trị liệu ngôn ngữ (2266)	26
109. Giáo viên mầm non (2342, 3620)	26
110. Giáo viên tiểu học (2341, 3610)	26
111. Giáo viên giáo dục đặc biệt (2352, 3630)	26
112. Chuyên gia quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa (242)	26
113. Chuyên gia quản trị kinh doanh nông nghiệp (242)	26
114. Quản lý bán hàng và marketing (1221, 243)	26
115. Quản lý bán lẻ và bán buôn (1420, 1844, 243)	26
116. Quản lý khách sạn, nhà hàng (1825, 1845, 242)	27
117. Quản lý nông nghiệp (1821, 1841, 242)	27
118. Quản trị bệnh viện (1829, 1839, 1849, 242)	27
119. Quản lý nhân sự (1212)	27
120. Chuyên gia quản lý đô thị (2614)	27
121. Cán bộ quan hệ lao động	27
122. Chuyên gia dịch vụ pháp lý (2619)	27
123. Nhà tâm lý học (2634)	28
124. Nhà tư vấn tâm lý (2635)	28
125. Nhà tư vấn nghề nghiệp (2635)	28
126. Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh (3211, 3212)	28
127. Kỹ thuật viên nhãn khoa (3254)	28
128. Tên nghề: Kỹ thuật viên y tế (321)	28
129. Đại lý bảo hiểm (3321)	28
130. Nhà quản lý sự kiện (3332)	29
131. Chuyên gia quản trị bất động sản (3334)	29
132. Nhân viên công tác xã hội (3412)	29
133. Đại lý du lịch và lữ hành (4221)	29
134. Tiếp viên hàng không hoặc tiếp viên trên phương tiện vận tải	29
135. Thợ chế biến thực phẩm (7513)	29

136.	Đầu bếp	29
137.	Tên nghề: Phục bếp	29
138.	Tên nghề: Phục vụ bàn	29
139.	Tên nghề: Lễ tân	29
140.	Tên nghề: Nhân viên văn phòng	29
NHÓM NGHỀ THỂ CHẤT - CƠ KHÍ		30
141.	Kĩ sư bảo dưỡng máy bay (2144)	30
142.	Kĩ sư mỏ (2146)	30
143.	Kĩ sư khai thác dầu khí (2146)	30
144.	Kĩ thuật viên chỉnh hình và phục hình (2221)	30
145.	Kĩ thuật viên cơ - điện tử	30
146.	Kĩ sư hàng hải	30
147.	Công an (2445)	30
148.	Vũ công và biên đạo múa (2653)	30
149.	Kĩ thuật xây dựng (3112)	31
150.	Kĩ thuật thủy lợi	31
151.	Kĩ thuật điện trong công nghệ thông tin và truyền thông (3113)	31
152.	Kĩ thuật điện trong phát và truyền tải điện (3113, 3131)	31
153.	Kĩ thuật tua-bin (3113)	31
154.	Kĩ thuật viên phần cứng máy tính 20	31
155.	Kĩ thuật viên điện đài trên tàu thủy (3114)	31
156.	Kĩ thuật viên cơ khí trong sản xuất, lắp ráp và sửa chữa (3115)	31
157.	Kĩ thuật viên giao thông vận tải	31
158.	Kĩ thuật viên khai thác mỏ (3117)	32
159.	Kĩ thuật viên luyện kim (3117)	32
160.	Vận hành máy móc (3131-35-39, 8111-14, 8122, 8131-32, 8142-43, 8151-57-59, 8160, 8171-72, 8181-83-89)	32
161.	Kĩ thuật viên vận hành thiết bị lọc dầu và khí thiên nhiên (3134)	32
162.	Kĩ thuật viên bảo vệ môi trường (3141)	32
163.	Kĩ thuật viên lâm nghiệp (3143)	32
164.	Điều khiển phương tiện đường thủy (3152)	32
165.	Phi công (3153)	32
166.	Kiểm soát viên không lưu (3154)	32
167.	Kĩ thuật viên y tế: công nghệ y học hạt nhân (3211, 3212)	33

168.	Kĩ thuật viên phòng xét nghiệm (3212)	33
169.	Kĩ thuật viên y tế: kĩ thuật viên phẫu thuật (3221)	33
170.	Kĩ thuật viên y tế: kĩ thuật viên và phụ tá nha khoa (3251)	33
171.	Vận động viên và người chơi thể thao chuyên nghiệp (3421, 3422)	33
172.	Giáo viên giáo dục thể chất (3422)	33
173.	Kĩ thuật viên kĩ thuật viễn thông (3522)	33
174.	Cảnh sát cứu hỏa (5401)	33
175.	Trồng trọt (6111-14)	33
176.	Chăn nuôi gia súc, gia cầm (6121, 6122)	34
177.	Nuôi ong và nuôi tằm (6123)	34
178.	Thợ đường ống (7126)	34
179.	Thợ chế tạo khuôn và công cụ (7211)	34
180.	Thợ mộc và thợ làm đồ gỗ (7115)	34
181.	Kĩ thuật viên thiết bị lạnh và điều hòa không khí (7127)	34
182.	Thợ hàn và thợ cắt kim loại bằng nhiệt (7212)	34
183.	Kĩ thuật viên cơ khí trong đóng tàu	34
184.	Kĩ thuật viên cơ khí trong gia công kim loại (7213, 7214, 7221, 7222, 7224, 7313)	
185.	Thợ cơ khí và sửa chữa xe có động cơ (7231)	35
186.	Kĩ thuật viên cơ khí nông nghiệp (7233)	35
187.	Thợ lặn (7541)	35
188.	Lái đầu máy xe lửa (8311)	35
189.	Lái xe con, taxi và xe tải hạng nhẹ (8322)	35
190.	Lái xe buýt, xe khách và xe điện (8331)	35
191.	Sĩ quan quân đội (0100)	35
192.	Lao động trong lâm nghiệp (0621)	35
193.	Lao động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản (0622)	36
194.	Thợ xây (0711)	36
195.	Thợ hoàn thiện trong xây dựng (0712)	36
196.	Thợ sơn (0713)	36
197.	Thợ lắp đặt và sửa chữa điện (0741)	36
198.	Thợ lắp đặt và thợ sửa chữa điện tử viễn thông (0742)	36
199.	Thợ lắp ráp (0820)	

NHÓM NGHỀ NGÔN NGỮ

1. Giảng viên đại học, sau đại học (2311)

Giảng viên đại học, cao học là người có kiến thức chuyên sâu về một chuyên ngành cụ thể và dạy các lý thuyết và thực hành về một hay nhiều môn học ở bậc đại học, hoặc tương đương; thực hiện nghiên cứu và cải tiến, phát triển khái niệm, lý thuyết, phương pháp hoạt động, biên soạn sách và và giảng dạy.

2. Giảng viên cao đẳng (2312)

Giảng viên cao đẳng là người có kiến thức chuyên sâu về một chuyên ngành cụ thể và dạy các lý thuyết và thực hành về một hay nhiều môn học ở bậc cao đẳng hoặc các tương đương; thực hiện nghiên cứu và cải tiến, phát triển khái niệm, lý thuyết, phương pháp hoạt động, biên soạn sách và và giảng dạy.

3. Giáo viên trung cấp (2331)¹

Giáo viên trung cấp là người có kiến thức chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể và dạy các lý thuyết và thực hành về một hay nhiều môn học ở trình độ trung cấp, , với mục đích giáo dục, hướng nghiệp, hoặc dạy nghề.

4. Giáo viên trung học phổ thông (2332)

Giáo viên trung học phổ thông dạy học sinh ở các trường trung học phổ thông hoặc tương đương, ví dụ như trung tâm giáo dục thường xuyên. Họ dạy một hoặc nhiều môn học với mục đích giáo dục, hướng nghiệp, hoặc dạy nghề.

5. Giáo viên trung học cơ sở (2333)

Giáo viên trung học cơ sở dạy học sinh ở các trường trung học cơ sở hoặc tương đương, ví dụ như trường trẻ em khuyết tật bậc trung học cơ sở. Họ dạy một hoặc nhiều môn học với mục đích giáo dục, hướng nghiệp, hoặc dạy nghề.

6. Giáo viên ngoại ngữ (2353)

Giáo viên Ngoại ngữ dạy học sinh ở các trường trung học, trung cấp, cao đẳng và các bậc học khác. Họ dạy một hoặc nhiều ngoại ngữ khác nhau nhằm mục đích giáo dục, hướng nghiệp hoặc dạy nghề.

¹ Không bao gồm các giáo viên dạy khối văn hóa trong các trường trung cấp.

7. Chuyên viên quan hệ công chúng (2432)

Chuyên viên quan hệ công chúng, còn được gọi là cán bộ truyền thông, là người giữ nhiệm vụ kết nối giữa tổ chức, doanh nghiệp với thế giới bên ngoài. Họ đảm bảo rằng các thông tin chính xác về tổ chức, doanh nghiệp, khách hàng, sản phẩm hoặc người sử dụng lao động được các đối tượng công chúng biết đến.

8. Luật sư (2611)

Luật sư là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền lợi cho thân chủ tại tòa án, trong các vụ án, các vụ việc và yêu cầu khác theo qui định của pháp luật. Các vụ án, vụ việc và yêu cầu có thể liên quan đến những lĩnh vực khác nhau như hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, sở hữu trí tuệ...

9. Chuyên viên lưu trữ văn thư và quản lí bảo tàng (2621)

Một hệ thống lưu trữ bảo tàng là tập hợp các ghi chép theo lịch sử, bao gồm chữ cái, giấy tờ, hình ảnh, nhật kí hay bất kì loại hiện vật nào khác. Hệ thống này cũng đánh dấu vị trí lưu trữ những hồ sơ đó. Chuyên viên lưu trữ văn thư và quản lí bảo tàng tiến hành nghiên cứu, thu thập, đánh giá và bảo vệ, bảo tồn các nội dung tài liệu, hiện vật có giá trị lịch sử, văn hóa và nghệ thuật, đồng thời tổ chức trưng bày tại bảo tàng và triển lãm nghệ thuật.

10. Thủ thư và nhân viên thư viện (2622, 4401)

Thủ thư và nhân viên thư viện là những người thu thập và lưu trữ các tài liệu; ghi lại hoặc cho mượn và thu lại sách báo, tài liệu; lấy và cung cấp thông tin theo yêu cầu. Họ còn được gọi bằng một thuật ngữ khác rộng hơn là người quản lí tài liệu.

11. Biên tập viên nhà xuất bản²

Biên tập viên làm việc với các tác giả, giúp họ trình bày tác phẩm của họ một cách lôi cuốn, chỉnh sửa và hoàn thiện bản thảo. Ngày nay, với sự phát triển của internet, ngành xuất bản cũng được mở rộng. Các biên tập viên cũng tham gia xây dựng nội dung trên mạng và kiểm tra xem các nội dung này có sử dụng ngôn ngữ chính xác và trình bày một cách hấp dẫn hay không.

12. Nhà nghiên cứu khoa học xã hội (2632)

Khoa học xã hội quan tâm tới hành vi, bản chất và cuộc sống của con người như một chủ thể xã hội. Các nhà nghiên cứu khoa học xã hội nghiên cứu xã hội loài người và những mối quan hệ giữa người và người trong xã hội. Có nhiều ngành khoa học xã hội như nhân chủng học, kinh tế học, lịch sử, khoa học chính trị, xã hội học, tâm lí học, tội phạm học, luật học, nghệ thuật học và các khoa học tương tự. Nói rộng ra, những bộ môn liên quan đến nhân học và nghệ thuật đều là các môn khoa học xã hội.

13. Nhà khảo cổ học (2633)

Các nhà khảo cổ nghiên cứu quá khứ để hiểu con người đã sống như thế nào. Họ theo dõi sự phát triển của nhân loại bằng cách nghiên cứu các di vật từ quá khứ, như cung điện, đền đài, nhà cửa, công cụ, đồ gốm, tiền xu, vũ khí, hay các tác phẩm điêu khắc.

² Chưa có mã nghề cấp 4, nằm trong nhóm mã nghề cấp 3 là: 264

14. Nhà sử học (2633)

Nhà sử học cho chúng ta biết về quá khứ nhờ tiến hành nghiên cứu và mô tả hoạt động của con người trong quá khứ, như lịch sử của cộng đồng, quốc gia, doanh nghiệp, các thời kì và sự kiện cụ thể, các cá nhân và ý tưởng... Nhờ có các tư liệu lịch sử mà chúng ta có thể hiểu hiện tại và hoạch định tương lai.

15. Nhà biên kịch, nhà văn và các nghề có liên quan (2641)

Nhà biên kịch, nhà văn và các nghề có liên quan làm công việc sáng tác và viết kịch bản phim, kịch, tác phẩm phát thanh và truyền hình, truyện đọc, tiểu thuyết,... Các tác phẩm văn học. Nhà Văn có thể sáng tác những tác phẩm văn học và viết kịch bản. Nhà biên kịch có thể khai thác một ý tưởng, cốt truyện gốc hoặc chuyển thể các tác phẩm văn học đã được xuất bản sang một dạng kịch bản phù hợp với hình thức sản xuất.

16. Nhà báo (2642)

Nhà báo là những người viết, biên tập, sản xuất các ấn phẩm báo chí (truyền hình, phát thanh, báo viết, báo mạng).

17. Nhà ngôn ngữ học (2643)

Nhà ngôn ngữ học nghiên cứu các thành phần cơ bản của một ngôn ngữ nào đó, chẳng hạn như ngữ âm, ngữ nghĩa và chữ viết. Ở góc độ khác, nghề này liên quan tới việc học và sử dụng thành thạo một ngôn ngữ cụ thể. Để trở thành một nhà ngôn ngữ học cần phải tìm hiểu về các thành phần cơ bản của ngôn ngữ. Ngoài ra, học một ngôn ngữ cụ thể thì bạn có thể trở thành một người biên dịch, phiên dịch hoặc giáo viên ngôn ngữ.

18. Biên dịch và phiên dịch (2643)

Biên dịch và phiên dịch nghiên cứu nguồn gốc, sự phát triển và cấu trúc của các ngôn ngữ, dịch viết và dịch nói từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác.

19. Đạo diễn phim, sân khấu (2654)

Đạo diễn phim, sân khấu, còn gọi là đạo diễn và nhà sản xuất điện ảnh, sân khấu, là người chỉ đạo và sản xuất phim, các tác phẩm truyền hình, phát thanh và chương trình biểu diễn trên sân khấu.

20. Phát thanh viên trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện truyền thông đại chúng khác (2656)

Phát thanh viên trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện truyền thông khác là người đọc bản tin, phỏng vấn, hướng dẫn và thực hiện các thông báo khác hoặc thực hiện các chỉ dẫn trên đài phát thanh, truyền hình, trong rạp chiếu phim và các cơ sở khác.

21. Kỹ thuật viên ghi chép sổ sách y tế và thông tin về sức khỏe (3252)

Kỹ thuật viên ghi chép sổ sách y tế và thông tin về sức khỏe là chuyên gia trong việc lưu trữ cập nhật hồ sơ tại các bệnh viện, phòng khám và các cơ sở chăm sóc sức khỏe. Hồ sơ của mỗi bệnh nhân phải được lưu trữ cẩn thận và có thể truy cập một cách dễ dàng. Kỹ thuật viên sử dụng dữ liệu về hồ sơ y tế và hệ thống phân loại để lập và duy trì bộ phận quản lí hồ sơ y tế của một bệnh viện.

22. Kỹ thuật viên bảo tàng (3433)

Kỹ thuật viên bảo tàng là người làm công việc đánh số hạng mục, phân loại và bảo quản hiện vật trong toàn bộ hoặc một bộ phận của bảo tàng. Trong khi đó, người quản lý bảo tàng là người chịu trách nhiệm bảo quản tổng thể bảo tàng. Trong bảo tàng, có ba vị trí cùng làm việc với các nhà sử học và khảo cổ học là kỹ thuật viên, người quản lý và chuyên viên lưu trữ văn thư.

23. Thư kí hành chính (3343, 3349)

Thư kí là người hỗ trợ công việc hành chính cho những người khác trong một tổ chức. Họ đóng vai trò quan trọng vì hoạt động của toàn bộ tổ chức phụ thuộc vào hiệu quả làm việc của họ. Ví dụ, thư kí điều hành là một chuyên gia cấp cao trong một tổ chức và hỗ trợ người đứng đầu tổ chức điều hành công ty.

24. Kỹ thuật viên phát thanh, truyền hình và nghe - nhìn (3521)

Kỹ thuật viên phát thanh, truyền hình và nghe - nhìn quản lý các chức năng kỹ thuật của thiết bị để ghi lại và biên tập các hình ảnh và âm thanh và để truyền thanh, truyền hình các hình ảnh và âm thanh cũng như các dạng tín hiệu viễn thông khác trên đất liền, trên biển và trên không.

25. Nhân viên tổng đài dịch vụ khách hàng (4222)

Các doanh nghiệp thường có một tổng đài dịch vụ để giải đáp và hỗ trợ khách hàng được gọi là tổng đài dịch vụ khách hàng. Các nhân viên tổng đài dịch vụ khách hàng được đào tạo sử dụng điện thoại để giải đáp cho khách hàng về sản phẩm, dịch vụ cũng như thúc đẩy hỗ trợ việc bán sản phẩm; tạo dựng hình ảnh, thương hiệu... rất cần thiết với mỗi doanh nghiệp

26. Hướng dẫn viên du lịch (5113)

Hướng dẫn viên du lịch được đào tạo để đi cùng với khách du lịch trong phạm vi một quốc gia, thành phố hoặc khu vực nào đó. Họ giới thiệu với khách du lịch về ý nghĩa lịch sử, khảo cổ của những nơi họ đến hoặc các di tích, công trình nghệ thuật mà họ xem. Họ cũng giúp khách du lịch làm quen với văn hóa, môi trường, vẻ đẹp tự nhiên và những điều thú vị khác nhằm thu hút sự quan tâm của khách.

27. Nhân viên marketing và bán hàng (5223)

Nhân viên marketing và bán hàng trong cửa hàng và tại các cơ sở bán lẻ trực tiếp bán nhiều loại hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng, giới thiệu chức năng và chất lượng hàng hóa và dịch vụ cho khách hiểu.

NHÓM NGHỀ PHÂN TÍCH – LOGIC

28. Nhà thiên văn học (2111)

Thiên văn học là việc nghiên cứu khoa học các thiên thể (như các ngôi sao, hành tinh, sao chổi, tinh vân, quần tinh, thiên hà) và các hiện tượng có nguồn gốc bên ngoài vũ trụ (như bức xạ nền vũ trụ). Nó nghiên cứu sự phát triển, tính chất vật lý, hoá học, khí tượng học, và chuyển động của các vật thể vũ trụ, cũng như sự hình thành và phát triển của vũ trụ. Nhà thiên văn học tiến hành nghiên cứu, phát triển các lý thuyết và phương pháp vận hành, hoặc áp dụng kiến thức khoa học liên quan tới thiên văn học vào các lĩnh vực khác. Thiên văn học và vật lý học có mối quan hệ rất gần gũi. Nền tảng toán học vững chắc cũng hết sức quan trọng. Nhà thiên văn học hiện đại không còn dành nhiều thời gian quan sát qua kính viễn vọng. Ngày nay, kính thiên văn và máy ảnh kỹ thuật số thường được kiểm soát và quản lý bởi hệ thống máy tính. Họ tập trung phân tích số liệu trên máy tính. Họ cũng thường tham gia giảng dạy ở các trường. Cần phân biệt rõ thiên văn học không phải là chiêm tinh học, mặc dù thời cổ đại hai lĩnh vực này gắn chặt với nhau.

29. Nhà khí tượng học (2112)

Nhà khí tượng học tiến hành nghiên cứu, cải tiến hoặc phát triển các khái niệm, lý thuyết và phương pháp hoạt động liên quan đến các thành phần, cấu trúc và những biến đổi của bầu khí quyển. Họ dự báo thời tiết một cách chi tiết hoặc dài hạn để sử dụng trong ngành hàng không, vận tải biển, nông nghiệp và thông tin đại chúng.

30. Nhà hoá học (2113)

Nhà hóa học thực hiện các nghiên cứu, cải tiến hoặc phát triển các khái niệm, học thuyết và các phương pháp hoạt động, hoặc ứng dụng các kiến thức khoa học liên quan vào hóa học, chủ yếu để kiểm nghiệm, phát triển và cải tiến các nguyên liệu, các sản phẩm và qui trình công nghiệp.

31. Nhà địa chất (2114)

Các nhà địa chất nghiên cứu cấu trúc vật lý của lớp vỏ trái đất, quá trình hình thành đá và hóa thạch để xác định từng bước thay đổi và lịch sử phát triển của trái đất, xác định vị trí khoáng sản và nhiên liệu.

32. Nhà địa lý (2114)

Nhà địa lý nghiên cứu các đặc điểm và tác dụng của bề mặt trái đất trong mối tương quan với các hiện tượng vật lý và văn hoá xã hội.

33. Nhà toán học (2121)

Toán học là nền tảng cho tất cả các ngành khoa học. Toán học có thể nặng về lí thuyết hoặc thiên về ứng dụng. Ví dụ như trong một thùng hình vuông có thể chứa bao nhiêu quả táo hình tròn? Bài toán ứng dụng này có ý nghĩa rất lớn đối với những người hàng ngày phải đóng gói và chuyển đi hàng triệu quả táo. Đó là vấn đề mà một nhà toán học cần giải quyết. Các nhà toán học và các nhà nghiên cứu liên quan tới toán học tiến hành nghiên cứu và phát triển các khái niệm toán học và tính toán rủi ro (xem thêm nghề Thống kê bảo hiểm), các lí thuyết, các phương pháp và kĩ thuật vận hành. Họ tư vấn cho các chuyên gia hoạt động trong nhiều lĩnh vực như kĩ thuật, kinh doanh, y tế, khoa học, đời sống tự nhiên và xã hội. Nhiệm vụ cụ thể của một nhà toán học phụ thuộc vào lĩnh vực cụ thể mà người đó chuyên sâu.

34. Nhà thống kê (2122)

Nhà thống kê ứng dụng toán học vào phân tích số liệu, ví dụ như quyết định lựa chọn việc làm chịu ảnh hưởng lớn từ các yếu tố nào: mức lương hay thời hạn hợp đồng? Một nhãn hiệu trà mới có thể bán chạy ở khu vực thành thị hay nông thôn? Đây là những ví dụ thống kê đơn giản. Hầu hết các nhà nghiên cứu, hoạch định và quản lí phụ thuộc rất nhiều vào các nhà phân tích thống kê.

35. Thống kê bảo hiểm (2122)

Nhà thống kê bảo hiểm đảm nhiệm việc tính toán các rủi ro. Họ là những chuyên gia trong việc tính phí bảo hiểm đối với những dạng rủi ro khác nhau dựa trên các tính toán tài chính, toán học và thống kê.

36. Nhà sinh vật học (2131)

Nhà sinh vật học nghiên cứu về sự sống và các hệ sinh vật. Họ tiến hành nghiên cứu, cải tiến hoặc phát triển các lí thuyết và phương pháp vận hành cũng như áp dụng kiến thức khoa học liên quan tới sinh vật học, vi sinh vật học, vi khuẩn học, tế bào học, nghiên cứu gen, động vật học, thực vật học và sinh thái học, đặc biệt trong các lĩnh vực dược và nông nghiệp.

37. Nhà khoa học biển (2131)

Nhà khoa học biển chủ yếu làm việc ở đại dương. Tùy thuộc vào chuyên môn mà họ nghiên cứu những vật thể không có sự sống (ví dụ như đất, đá ở đáy biển, nước, cát...) hoặc vật thể sống trong đại dương (ví dụ như động vật biển, sinh vật biển...). Các nhà khoa học biển sử dụng máy móc thiết bị chuyên dụng, hình ảnh vệ tinh và lặn dưới nước để thu thập dữ liệu về các đại dương. Họ góp phần bảo vệ môi trường bằng cách phát minh ra phương pháp bảo vệ các vùng nước và bờ biển khỏi ô nhiễm và thiệt hại. Họ ứng dụng kết quả nghiên cứu để phát triển các phương pháp dự báo, đánh giá điều kiện môi trường đại dương, xác định khu vực khai thác, đánh bắt thủy sản, cải thiện an ninh vùng biển của một quốc gia.

38. Kĩ sư và kĩ thuật viên công nghệ sinh học (2131)

Kĩ sư công nghệ sinh học áp dụng các nguyên tắc sinh học ở cấp độ "công nghiệp" để kiểm soát, cải tiến và quản lí các quá trình biến đổi về mặt sinh học tồn tại trong tự nhiên như sự lên men, quá trình sản xuất chất xúc tác enzyme nhằm nâng cao lợi ích cho con người bằng nhiều cách khác nhau. Công nghệ sinh học có nhiều ứng dụng trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp, quản lí môi trường và bào chế thuốc.

39. Kỹ thuật y sinh

Kỹ thuật y sinh tiến hành nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của con người hay các loài động vật nhằm kiểm tra, chứng minh hoặc điều chỉnh hệ thống lí thuyết về sự sống đã biết. Những thông tin này được sử dụng để thiết kế bộ máy hỗ trợ cho sự sống, tối đa hoá lợi ích của các nguyên tắc trong khoa học kĩ thuật và hành vi của sinh vật.

40. Nhà nông học (2132)

Nông nghiệp là khoa học và cũng là nghệ thuật về nuôi trồng cây cối, vật nuôi trong các nông trại. Nghề làm vườn cũng là một nhánh thuộc ngành nông nghiệp, liên quan tới các loại cây ăn quả, các loại hạt, rau, hoa và cây cảnh trong vườn hoặc vườn cây ăn quả. Dựa vào nguyên tắc hóa sinh, vi sinh học, di truyền học và các khoa học khác, nhà nông học tham gia nghiên cứu và phát triển các ứng dụng về các lĩnh vực nông nghiệp khác nhau.

41. Kỹ sư thủy sản (2132)

Kỹ sư thủy sản chuyên về nuôi trồng, đánh bắt các loài cá và thủy sản khác. Họ có thể làm việc về thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

42. Kỹ sư và kỹ thuật viên lâm nghiệp (2132)

Kỹ sư và kỹ thuật viên lâm nghiệp cung cấp hỗ trợ kĩ thuật, tư vấn về các vấn đề và các phương thức lâm nghiệp.

43. Chuyên gia bảo vệ môi trường (2133)

Chuyên gia bảo vệ môi trường nghiên cứu, đánh giá và quản lí tác động của các hoạt động của con người đối với môi trường tự nhiên và nhân tạo. Họ áp dụng chuyên môn vào quản lí ô nhiễm, quản lí chất thải, ứng phó với biến đổi khí hậu và sự cạn kiệt, thoái hóa các nguồn lực tự nhiên. Họ xây dựng các kế hoạch, giải pháp để bảo vệ, bảo tồn, phục hồi, giảm thiểu tác hại tới môi trường.

44. Kỹ sư công nghiệp (2141)

Kỹ sư công nghiệp quản lí sự vận hành của toàn bộ nhà máy, đảm bảo rằng các qui trình hoạt động hiệu quả, an toàn và có tính kinh tế.

45. Chuyên gia công nghệ thực phẩm và đồ uống (2141)

Chuyên gia công nghệ thực phẩm và đồ uống cải tiến các kĩ thuật chế biến, bảo quản, sử dụng và đánh giá thành phần thực phẩm và đồ uống từ động thực vật hoặc nguyên liệu nhân tạo.

46. Kỹ sư xây dựng (2142)

Các kỹ sư xây dựng áp dụng toán học, vật lí và hóa học để xây dựng các công trình nhà ở, nhà thương mại, đường giao thông, cầu, đập nước, mạng lưới cấp nước, mạng lưới thoát nước, bến cảng, kênh rạch, bến, sân bay, hệ thống đường sắt.

47. Kỹ sư ô tô (2144)

Kỹ sư ô tô thiết kế, thử nghiệm, phát triển và chỉ đạo sản xuất các loại ô tô như xe hơi, xe tải, xe buýt, xe bồn, xe đua... Họ giúp ngành công nghiệp ô tô đáp ứng những yêu cầu mới như tăng độ an toàn, tiết kiệm nhiên liệu và tiêu chuẩn môi trường.

48. Kỹ sư cơ khí (2144)

Kỹ sư cơ khí làm công việc có liên quan tới quá trình lắp đặt, vận hành và bảo trì máy móc trong các ngành công nghiệp. Họ giải quyết các vấn đề kĩ thuật hàng ngày để nâng cao hiệu quả và năng suất.

49. Kỹ sư hoá học (2145)

Kỹ sư hóa học áp dụng các kiến thức hóa học, vật lý và toán học để biến đổi các hóa chất trong nguyên liệu, hóa chất tổng hợp thành các dạng hữu ích hơn hoặc có giá trị hơn (ví dụ như xăng dầu, cao su...). Kỹ sư hóa học cũng tạo ra các loại vật liệu và các kỹ thuật mới được sử dụng trong các ngành công nghiệp khác.

50. Kỹ sư luyện kim (2146)

Kỹ sư luyện kim là chuyên gia về công nghệ chế tạo kim loại và vận dụng các nguyên tắc vật lý để xử lý kim loại tùy theo mục đích ứng dụng. Họ nghiên cứu tính chất vật lý và hóa học của các kim loại và hợp kim.

51. Kỹ sư vật liệu (2149)

Kỹ sư vật liệu nghiên cứu các tính chất của những loại vật liệu tự nhiên và tổng hợp như kim loại, gốm, sứ, polyme, gỗ và các nguồn tài nguyên khác nhằm nâng cao chất lượng cho các ứng dụng công nghiệp và thương mại.

52. Kỹ sư điện (2151)

Kỹ sư điện làm công việc có liên quan tới việc phát và truyền tải điện. Họ lắp đặt, vận hành và duy trì mạng lưới điện. Kỹ sư điện cũng là những chuyên gia về các mạch điện trong các sản phẩm như máy tính và các thiết bị gia dụng.

53. Kỹ sư điện tử (2152)

Các kỹ sư điện tử nghiên cứu, thiết kế và chỉ đạo xây dựng, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống điện tử; tìm hiểu và tư vấn về các vấn đề kỹ thuật của vật liệu, sản phẩm hay quá trình chế tạo điện tử.

54. Kỹ sư viễn thông (2153)

Các kỹ sư viễn thông tiến hành nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chỉ đạo việc xây dựng, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống và thiết bị viễn thông. Họ nghiên cứu và tư vấn về các vấn đề kỹ thuật của vật liệu, sản phẩm hay quá trình kỹ thuật viễn thông.

55. Kỹ sư vũ trụ, hàng không

Kỹ sư vũ trụ, hàng không là chuyên gia trong việc thiết kế và sản xuất các loại thiết bị bay. Họ cũng thực hiện các công việc duy tu, bảo dưỡng máy bay. Kỹ thuật hàng không vũ trụ cũng có thể mở rộng đến tàu vũ trụ, vệ tinh cũng như các hệ thống kiểm soát và hướng dẫn các máy bay từ xa.

56. Bác sĩ Thú y (2250)

Chuyên gia thú y áp dụng các nguyên tắc y học để điều trị và kiểm soát dịch bệnh trong gia súc gia cầm và vật nuôi. Họ tiến hành nghiên cứu, cải tiến, phát triển các khái niệm, học thuyết và phương pháp hoạt động, và áp dụng các kiến thức y khoa vào lĩnh vực thú y.

57. Kỹ thuật viên Thú y (3240)

Kỹ thuật viên thú y thực hiện nhiệm vụ tư vấn, chẩn đoán, phòng ngừa và chữa bệnh thú y theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y. Họ chăm sóc động vật được điều trị, thực hiện các thủ tục thường quy và hỗ trợ bác sĩ thú y trong các hoạt động

58. Dược sĩ (2262)

Dược sĩ nghiên cứu, cải tiến, phát triển các khái niệm, học thuyết và phương pháp hoạt động dược phẩm bằng cách chuẩn bị, phân phối và bán dược phẩm và thuốc.

59. Kế toán (2411, 3313, 4311)

Kế toán theo dõi các hoạt động tài chính của một tổ chức. Họ lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và thực hiện hệ thống kế toán cho tổ chức. Việc cấp chứng nhận cho kế toán và thực hành nghiệp vụ chuyên môn của họ được giám sát chặt chẽ. Có nhiều phần hành kế toán khác nhau và có nhiều vị trí trong hệ thống kế toán của một tổ chức. Nhiệm vụ cụ thể của một kế toán phụ thuộc vào công việc cụ thể mà người đó đảm nhận.

60. Chuyên gia phân tích tài chính (2413)

Chuyên gia phân tích tài chính điều tra, nghiên cứu các quá trình tác động tới các hoạt động tài chính của khu vực công hoặc các tổ chức tư nhân. Các hoạt động này bao gồm các chương trình nghiên cứu hay các kế hoạch ngân sách và tài chính.

61. Chuyên gia quản trị dầu khí³

Chuyên gia quản trị dầu khí là chuyên gia lập kế hoạch và quản lý hoạt động khai thác dầu và khí đốt.

62. Chuyên gia quản trị giao thông⁴ (quản lý và điều hành giao thông vận tải)

Chuyên gia quản trị giao thông lưu giữ hồ sơ và quản lý vận hành các dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa trong các hệ thống giao thông đường bộ, đường không, đường sắt, đường thủy...

63. Chuyên gia quản trị năng lượng⁵

Chuyên gia quản trị năng lượng là những chuyên gia trong việc mua bán, trao đổi, phân phối và sử dụng năng lượng để đáp ứng các yêu cầu cụ thể, có tính đến các mục tiêu môi trường và kinh tế.

64. Chuyên gia phát triển phần mềm (2512)

Chuyên gia phát triển phần mềm nghiên cứu, phân tích và đánh giá các yêu cầu đối với các phần mềm ứng dụng sẵn có hoặc phần mềm và hệ điều hành mới. Họ thiết kế, phát triển, thử nghiệm và duy trì các giải pháp phần mềm nhằm đáp ứng tất cả các yêu cầu.

65. Nhà kinh tế học (2631)

Nhà kinh tế học hiểu cách làm cho một quốc gia trở nên thịnh vượng bằng cách sử dụng nguồn lực của quốc gia đó một cách năng suất và hiệu quả. Họ tiến hành nghiên cứu, theo dõi và phân tích thông tin số liệu, làm các báo cáo và kế hoạch để giải quyết các vấn đề về kinh tế và kinh doanh, phát triển các mô hình phân tích, lý giải và dự báo hành vi và xu hướng kinh tế. Họ tư vấn cho doanh nghiệp, các nhóm lợi ích và chính phủ để xây dựng các giải pháp cho các vấn đề kinh tế và kinh doanh hiện tại và tương lai.

³ Nằm trong mã chung 242 - Nhà chuyên môn về quản trị, chưa có mã nghề cấp 4

⁴ Nằm trong mã chung 242 - Nhà chuyên môn về quản trị, chưa có mã nghề cấp 4

⁵ Nằm trong mã chung 242 - Nhà chuyên môn về quản trị, chưa có mã nghề cấp 4

66. Chuyên viên thương mại quốc tế (2631)

Đây là lĩnh vực liên quan tới nhiều khía cạnh của thương mại. Các hoạt động bao gồm: đàm phán hợp đồng thương mại, tạo điều kiện cho việc vận chuyển hàng hoá, phân phối sản phẩm và dịch vụ, các hiệp định thương mại, lưu kho hàng hoá... Phạm vi công việc của họ bao gồm từ việc thiết lập các thoả thuận giữa nhà sản xuất và đại lý bán lẻ trong một quốc gia cho tới các hoạt động kinh doanh quốc tế.

67. Chuyên viên ngân hàng, quỹ đầu tư (3312)

Chuyên viên ngân hàng, quỹ đầu tư là các chuyên gia tạo ra các sản phẩm và dịch vụ tài chính (chẳng hạn như đề án quỹ tương hỗ). Họ xử lý lượng lớn các giao dịch và chuyên về các quỹ đầu tư và cho vay liên kết với mục tiêu làm thế nào để có lợi nhất cho những người sở hữu quỹ.

68. Kỹ sư và kỹ thuật viên âm thanh (3521)

Kỹ sư và kỹ thuật viên kỹ thuật âm thanh vận hành máy móc, thiết bị để ghi lại, đồng bộ hoá, phối âm hoặc sao chép các hiệu ứng về âm thanh, giọng nói và âm nhạc trong các phòng thu, đấu trường thể thao, nhà hát, rạp chiếu phim, trường quay phim truyện và video.

69. Nhân viên giao dịch ngân hàng (4211)

Nhân viên giao dịch ngân hàng và các nghề liên quan làm việc trực tiếp với khách hàng đến ngân hàng hoặc các bưu điện giao dịch, thực hiện các giao dịch liên quan tới nhận, gửi, chuyển, qui đổi và rút tiền.

70. Giáo viên công nghệ thông tin (2356)

Giáo viên CNTT xây dựng chương trình, bố trí lịch học và thực hiện đào tạo về máy tính và CNTT cho người dùng không chuyên.

71. Nhà thiết kế đồ họa và truyền thông đa phương tiện (2513)

Nhà Thiết kế đồ họa và truyền thông đa phương tiện kết hợp thiết kế và những kiến thức kỹ thuật để nghiên cứu, phân tích, đánh giá, thiết kế, lập trình và sửa đổi các trang web và các ứng dụng cùng sử dụng các ký tự văn bản, đồ họa, sự chuyển động, hình ảnh, âm thanh và hiển thị hình ảnh và các phương tiện truyền thông tương tác khác.

72. Nhà Quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính (2521)

Quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính thiết kế, xây dựng, kiểm soát, hỗ trợ các hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo vận hành và an toàn, bao gồm cả dữ liệu, phần cứng, phần mềm, mạng và hệ điều hành

73. Kỹ thuật viên công nghệ thông tin (3511)

Kỹ thuật viên vận hành công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông hỗ trợ việc xử lý, vận hành và quản lý thông tin và hệ thống kỹ thuật truyền thông hàng ngày, bao gồm các mạng LAN và WAN, và các phần cứng, phần mềm và các thiết bị máy tính liên quan nhằm đảm bảo việc vận hành tốt nhất và xác định các vấn đề phát sinh.

74. Thủ quỹ (5230)

Thủ quỹ là người kiểm soát toàn bộ hoạt động thu chi phát sinh trong doanh nghiệp như kiểm tra phiếu Thu, phiếu Chi, ký xác nhận, giao các liên, tạm ứng, ... Thủ quỹ quản lý, lưu trữ toàn bộ giấy tờ liên quan khác trong quá trình này.

NHÓM NGHỀ HÌNH HỌC – MÀU SẮC – THIẾT KẾ

75. Kỹ thuật viên bao bì (2149, 3139)⁶

Kỹ thuật viên bao bì lập kế hoạch, triển khai và hướng dẫn kỹ thuật trong các hoạt động liên quan đến việc thiết kế, phát triển và sản xuất các loại bao bì bảo vệ, bảo quản, vận chuyển, trang trí và công nghệ đóng gói.

Sản phẩm cần được bao gói, đóng hộp, đóng chai, đóng thùng, dán nhãn trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ. Ngành bao bì sử dụng giấy, bìa, thủy tinh, nhựa, nhôm và nhiều vật liệu khác để sản xuất hộp, gói, túi, bình, ống, thùng... làm bao bì nhãn mác cho sản phẩm hàng hóa khác.

76. Kỹ thuật viên in ấn (2149, 3139, 7321, 7322, 7323)

Kỹ thuật viên in ấn tiến hành nghiên cứu, phát triển, thực hiện và giám sát qui trình in ấn đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

77. Kỹ thuật viên ngành giấy (2149, 3139, 8143, 8172)

Kỹ thuật viên giấy phụ trách công nghệ kỹ thuật trong quá trình sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy. Quá trình này bao gồm các công việc tập kết nguyên liệu, làm bột giấy, nghiền, xeo, ép, sấy, cán và cuộn để cuối cùng ra sản phẩm giấy, cũng như tái chế giấy và sản phẩm từ giấy.

78. Kỹ thuật viên may mặc và công nghệ có liên quan (2141, 3149)

Kỹ thuật viên may mặc và công nghệ có liên quan (sợi, dệt, nhuộm...) phụ trách công nghệ kỹ thuật trong quá trình sản xuất hàng vải sợi, dệt và may mặc đại trà. Họ cũng có thể chuyên về hóa chất (thuốc nhuộm, chất tẩy, phụ gia...) hay máy móc thiết bị sản xuất hàng dệt may.

79. Kỹ thuật viên da giày (2141, 3149)

Kỹ thuật viên da giày phụ trách công nghệ kỹ thuật trong quá trình sản xuất các sản phẩm da giày, từ thuộc da và da lông thú, đến sản xuất thành phẩm cuối cùng như giày da, giày thể thao, túi xách và phụ kiện bằng nguyên liệu da thật và giả da. Họ cũng có thể chuyên về hóa chất (dầu, thuốc nhuộm, phụ gia...) hay máy móc thiết bị sản xuất nguyên liệu và thành phẩm da giày.

⁶ Chưa có riêng mã nghề cấp 4

80. Thợ thẩm mỹ (Làm đẹp) (5141, 5142)

Thợ thẩm mỹ, còn gọi là thợ làm đẹp, cắt và tạo dáng tóc, râu, chăm sóc sắc đẹp, sử dụng mỹ phẩm và trang điểm, và thực hiện các dịch vụ và liệu pháp chăm sóc khác cho khách hàng để cải thiện ngoại hình của họ.

81. Kiến trúc sư xây dựng (2161)

Kiến trúc sư xây dựng thiết kế nhà ở, nhà thương mại, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; lập kế hoạch và giám sát thi công, bảo trì, mở rộng và cải tạo về mặt thẩm mỹ và công năng của các công trình đó. Họ cũng có thể tham gia qui hoạch đô thị, cảnh quan và các hệ thống giao thông.

82. Kiến trúc sư cảnh quan/ nhà thiết kế cảnh quan (2162)

Kiến trúc sư cảnh quan, còn gọi là nhà thiết kế cảnh quan, qui hoạch, thiết kế, tổ chức thi công, quản lí, bảo dưỡng và phục hồi cảnh quan, đường nội bộ và không gian ngoài trời của các công trình nhà ở, văn phòng, nhà thương mại và công nghiệp, vườn hoa, công viên, khu du lịch, nghỉ dưỡng và giải trí. Họ đảm bảo rằng khu đất có công trình trông đẹp mắt và thân thiện với môi trường.

83. Nhà thiết kế sản phẩm/ Mỹ thuật công nghiệp (2163)

Nhà thiết kế sản phẩm, còn gọi là nhà thiết kế Mỹ thuật công nghiệp, thiết kế hình thức của các sản phẩm, chuẩn bị bản vẽ và các thông số của sản phẩm để đưa vào sản xuất. Trong khi các kĩ sư công nghiệp thiết kế kết cấu, chức năng hoạt động của máy móc, sản phẩm thì nhà thiết kế Mỹ thuật công nghiệp thiết kế kiểu dáng hình thức của máy móc, sản phẩm sao cho không chỉ đẹp mà còn hiệu quả và kinh tế.

84. Nhà thiết kế thời trang (2163)

Nhà thiết kế thời trang thiết kế áo quần, giày dép, phụ kiện và tạo ra những bộ sưu tập và dòng sản phẩm thời trang. Họ vẽ phác thảo, lựa chọn chất liệu, hoa văn, và chỉ dẫn cách sản xuất sản phẩm vừa thiết kế.

85. Nhà trắc địa bản đồ (2165)

Nhà trắc địa bản đồ sử dụng các phương pháp và kĩ thuật khảo sát để xác định vị trí chính xác của các phân vùng tự nhiên, phân vùng xây dựng, ranh giới đất, nước, trong lòng đất, xây dựng và chỉnh sửa bản đồ kĩ thuật số, đồ họa và ảnh.

86. Nhà thiết kế đồ họa và truyền thông đa phương tiện (2166)

Nhà thiết kế đồ họa và truyền thông đa phương tiện thiết kế nội dung hình ảnh và âm thanh để truyền thông dưới dạng in ấn, phim, điện tử, kĩ thuật số và các phương tiện nghe nhìn khác. Họ tạo ra đồ họa, hiệu ứng đặc biệt, hình ảnh động và các hình ảnh khác để sử dụng trong trò chơi điện tử, phim ảnh, video, bản in và quảng cáo.

87. Kĩ thuật viên vẽ kĩ thuật (3118)

Kĩ thuật viên vẽ kĩ thuật làm các bản vẽ kĩ thuật, bản đồ và bản minh họa dựa trên các phác thảo, kích thước và các số liệu khác; sao chép bản vẽ và hình lên bản kẽm để in ấn.

88. Nhà thiết kế và trang trí nội thất (3432)

Nhà thiết kế và trang trí nội thất khảo sát mặt bằng, thiết kế nội thất và ngoại thất, đồ dùng và đồ trang trí nhà ở, nhà thương mại, công trình công cộng và công nghiệp để làm cho công trình đẹp, tiện nghi và thoải mái cho cuộc sống và công việc. Họ cũng phối hợp và tham gia xây dựng và hoàn thiện công trình. Họ cũng có thể thiết kế các sản phẩm đồ gỗ nội thất, đồ gia dụng và trang trí để sản xuất phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

89. Nhà thiết kế thủ công mỹ nghệ (3432)

Nhà thiết kế thủ công mỹ nghệ thiết kế các sản phẩm thủ công mỹ nghệ để đảm bảo hài hòa các giá trị thẩm mỹ, văn hóa, công năng và phù hợp với các đối tượng khách hàng.

Thủ công mỹ nghệ là một nét văn hóa. Mỗi nhóm dân tộc, mỗi địa phương đều có các nghề thủ công của mình. Sản phẩm thủ công mỹ nghệ đã xuất hiện từ lâu đời để phục vụ các mục đích truyền thống. Ngày nay, các doanh nghiệp và nhà nước mong muốn phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ vừa có nét truyền thống vừa phù hợp với đối tượng và nhu cầu sử dụng rộng rãi hơn.

90. Họa sĩ biếm họa, truyện tranh (2651)

Họa sĩ biếm họa, truyện tranh vẽ, cụ thể hóa, sử dụng màu sắc và đường nét để lột tả hành vi con người, sự kiện hay một vấn đề theo cách hài hước, châm biếm hoặc gợi mở suy nghĩ.

91. Nghệ sĩ Mỹ thuật (2651)

Nghệ sĩ Mỹ thuật là người tạo ra các tác phẩm nghệ thuật thông qua các phương tiện khác nhau như màu vẽ, điêu khắc, nhiếp ảnh, sắp đặt vật thể... Nghệ sĩ Mỹ thuật có khả năng biến ý tưởng, suy nghĩ, thông điệp thành hình dạng cụ thể cho người khác thưởng thức.

92. Nhà thiết kế quảng cáo (3435)

Nhà thiết kế quảng cáo đưa ra ý tưởng, vẽ và thiết kế nên các hình ảnh mang tính biểu tượng để truyền tải thông điệp trong quảng cáo truyền thông. Mục tiêu là quảng bá sản phẩm, dịch vụ và ý tưởng đến cho người xem. Các hình ảnh và cách trình bày trong các quảng cáo, các lô-gô, biểu tượng của doanh nghiệp và tổ chức là sản phẩm trí tuệ của nhà thiết kế quảng cáo.

93. Nhà quay phim (3521)

Nhà quay phim là người ghi hình bộ phim, video, tác phẩm sân khấu, chương trình truyền hình và các sự kiện xã hội hay gia đình. Họ cũng cần đảm bảo rằng có sự phối hợp giữa các diễn viên và đội ngũ ghi hình. Các nhà quay phim là đạo diễn hình ảnh và đảm bảo rằng hành động được ghi lại chính xác.

94. Người làm vườn, vườn ươm và trồng hoa, cây cảnh (6113)

Người làm vườn, vườn ươm và trồng hoa, cây cảnh lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động cần thiết để trồng và chăm sóc hoa và cây trồng tạo cảnh quan. Họ cũng có thể sản xuất cây, củ và hạt giống để cung cấp cho thương lái, doanh nghiệp bán buôn, bán lẻ hoặc trực tiếp bán ra thị trường.

95. Nhà thiết kế trang sức (7313)

Nhà thiết kế trang sức áp dụng các nguyên tắc nghệ thuật và khoa học để thiết kế các sản phẩm kim hoàn, đồ trang sức phục vụ cho trang điểm, nghi lễ, tôn giáo hoặc công nghiệp.

96. Thợ gốm sứ và thợ có liên quan (7314, 8181)

Thợ gốm và các thợ có liên quan chuẩn bị đồ gốm, sứ, đất nung, thiết bị vệ sinh, gạch, ngói và mài bằng tay hoặc bằng máy.

97. Thợ vẽ biển quảng cáo, thợ trang trí và thợ có liên quan (7316)

Thợ vẽ biển quảng cáo, thợ trang trí và các thợ có liên quan trang trí các sản phẩm được làm từ gỗ, kim loại, vải dệt, thủy tinh, gốm và các nguyên vật liệu khác. Họ vẽ, bố trí và sơn các mẫu tự, mẫu trang trí, chữ viết lồng nhau và các kiểu mẫu trang trí để tạo ra các biển hiệu và chạm trổ và khắc axit các mẫu có tính chất trang trí trên thủy tinh và các đồ khác.

98. Thợ thủ công trong ngành đồ gỗ và trang trí nội thất (7213, 7313, 7314, 7315, 7316, 7317, 7521, 7522, 7523, 7319)

Thợ thủ công trong ngành đồ gỗ và trang trí nội thất áp dụng các kĩ thuật thủ công truyền thống để xử lí vật liệu gỗ, tre, nứa, song, mây, cói, đá, vỏ/ mai/ lông động vật, đất sét, cát thạch anh và các nguyên phụ liệu khác; sản xuất, trang trí, xử lí và hoàn thiện các sản phẩm đồ gỗ nội ngoại thất, đồ gia dụng và trang trí khác nhau. Họ cũng có thể tham gia lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị dùng trong ngành đồ gỗ và trang trí nội thất.

Ngày nay, máy móc thiết bị đã được áp dụng nhiều để hỗ trợ cho thợ thủ công làm ra sản phẩm đẹp, chính xác và hiệu quả hơn và không phải công đoạn nào cũng làm thủ công nữa.

99. Thợ thủ công trong ngành dệt may và da giày (7318, 7531, 7532, 7533, 7535, 7536)

Thợ thủ công trong ngành dệt may và da giày áp dụng các kĩ thuật và hoa văn truyền thống để sản xuất vải dệt, chi tiết đan, thêu, đắp nổi và kĩ thuật thủ công khác trong sản phẩm may mặc và da giày thủ công như quần áo, giày dép, túi xách, thắt lưng, phụ kiện, đồ gia dụng và trang trí.

100. Thợ vận hành máy sản xuất hàng dệt may và da giày (7533)

Thợ vận hành máy sản xuất hàng dệt may và da giày làm công việc vận hành và giám sát hoạt động của các máy móc thiết bị chế biến và xử lí sợi, vải, da và lông thú; sản xuất và hoàn thiện sản phẩm may mặc, giày dép và phụ kiện; sửa chữa, giặt là và làm sạch hàng dệt may, lông và đồ da.

NHÓM NGHỀ LÀM VIỆC VỚI CON NGƯỜI

101. Bác sĩ y khoa (2211, 2212)

Bác sĩ y khoa khám và chữa bệnh cho những người bị ốm, bệnh tật hoặc tai nạn thương tật khác. Họ cũng tiến hành nghiên cứu, cải tiến và phát triển các khái niệm, lí thuyết và phương pháp phòng và khám chữa bệnh, làm công tác giảng dạy chuyên môn và tuyên truyền giáo dục sức khỏe.

102. Y tá và hộ sinh (2221, 2222)

Y tá hỗ trợ các bác sĩ khi họ thực hiện nhiệm vụ và phục vụ các bệnh nhân bị ốm, bị thương hoặc khuyết tật. Trong các y tá có hộ sinh là người hỗ trợ quá trình sinh nở, chăm sóc bà mẹ và trẻ em trước và sau khi sinh, hướng dẫn gia đình trong việc chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh.

103. Bác sĩ y học cổ truyền (2230)

Bác sĩ y học cổ truyền khám, điều trị, phòng ngừa bệnh tật và chấn thương liên quan đến các bệnh thể chất và tinh thần cho bệnh nhân bằng phương pháp và thuốc y học cổ truyền. Họ áp dụng các kiến thức và kĩ năng thực hành có được thông qua nghiên cứu sâu rộng các lí thuyết, niềm tin và giá trị bắt nguồn từ nền văn hóa và y học dân tộc bản địa.

104. Nha sĩ (2261)

Các nha sĩ, còn gọi là bác sĩ nha khoa, điều trị các bệnh và các rối loạn răng, nướu và mô mềm của miệng.

105. Chuyên gia phục hồi chức năng nghề nghiệp (2263)

Chuyên gia phục hồi chức năng nghề nghiệp giúp đỡ bệnh nhân trong quá trình phục hồi nghề nghiệp sau khi bị bệnh hoặc tai nạn bằng cách đưa họ tham gia các công việc mang tính sáng tạo, nghề nghiệp hoặc thủ công như làm vườn, tập thể dục, trò chơi và âm nhạc theo hướng dẫn của bác sĩ.

106. Chuyên gia vật lí trị liệu (2264, 3255)

Chuyên gia vật lí trị liệu tiến hành trị liệu các rối loạn về xương, cơ và các bộ phận của hệ tuần hoàn hoặc hệ thần kinh. Khách hàng của họ bao gồm những người khuyết tật, bị bệnh tâm thần, người già và những người đang phục hồi sau bệnh tật, tai nạn hoặc phẫu thuật.

107. Chuyên gia dinh dưỡng (2265)

Chuyên gia dinh dưỡng tiến hành nghiên cứu, cải tiến và phát triển các khái niệm, phương pháp thực hiện liên quan đến việc chuẩn bị, áp dụng các chế độ ăn uống cho điều trị và các mục đích khác

108. Bác sĩ thính học và trị liệu ngôn ngữ (2266)

Bác sĩ thính học và đặc trị các khuyết tật về ngôn ngữ xác định loại và mức độ khuyết tật ảnh hưởng đến chức năng nghe, nói, giao tiếp và nhai nuốt của con người. Họ chỉ định phương tiện hỗ trợ, thực hiện liệu pháp phục hồi chức năng và tư vấn cho bệnh nhân.

109. Giáo viên mầm non (2342, 3620)

Công tác giảng dạy đòi hỏi chuyên môn theo các nhóm tuổi học sinh. Giáo viên mầm non dạy trẻ em từ 3 đến 6 tuổi. Đây là giai đoạn đặt nền móng cho việc học tập và là giai đoạn quan trọng đối với quá trình giáo dục một con người.

110. Giáo viên tiểu học (2341, 3610)

Công tác giảng dạy đòi hỏi chuyên môn theo các nhóm tuổi học sinh. Giáo viên tiểu học dạy trẻ em từ lớp 1 đến lớp 5. Họ chủ yếu tập trung xây dựng cơ sở vững chắc cho kĩ năng đọc, viết, tính toán cùng với các kĩ năng khác như thể chất, tâm lí, trí tuệ và xã hội.

111. Giáo viên giáo dục đặc biệt (2352, 3630)

Giáo viên giáo dục đặc biệt dạy cho trẻ em, thanh thiếu niên, người lớn có khuyết tật về thể chất hay trí tuệ, hoặc những người có khó khăn về học tập.

112. Chuyên gia quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa (242)

Chuyên gia quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là chuyên gia trong việc thành lập và phát triển DNNVV, hoặc trực tiếp quản lí mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV. Doanh nghiệp nhỏ và vừa là các doanh nghiệp có vốn hoặc số người lao động không vượt quá một số lượng nhất định. Tại Việt Nam, doanh nghiệp có tổng nguồn vốn không vượt quá 50 tỉ đồng hoặc không vượt quá 100 người lao động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, và doanh nghiệp có tổng nguồn vốn không vượt quá 100 tỉ hoặc không vượt quá 300 người lao động trong các lĩnh vực khác thì được gọi là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Số lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhiều hơn số lượng doanh nghiệp lớn và tính tổng thể thì DNNVV sử dụng nhiều lao động hơn. DNNVV cũng thường được coi là đầu tàu sáng tạo và cạnh tranh trong nhiều lĩnh vực kinh tế.

113. Chuyên gia quản trị kinh doanh nông nghiệp (242)

Chuyên gia quản trị kinh doanh nông nghiệp là người nghiên cứu, tổ chức, quản lí kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp cũng như đưa sản phẩm nông nghiệp đến tay người tiêu dùng.

114. Quản lí bán hàng và marketing (1221, 243)

Nhà quản lí bán hàng và marketing lập kế hoạch, chỉ đạo và điều phối hệ thống phân phối nhằm đảm bảo hàng hóa của doanh nghiệp đến nhà kho, cửa hàng và cuối cùng là đến với người tiêu dùng.

115. Quản lí bán lẻ và bán buôn (1420, 1844, 243)

Nhà quản lí bán lẻ và bán buôn làm công tác quản lí chung trong doanh nghiệp bán buôn và bán lẻ, làm chủ đại lí bán buôn hoặc các doanh nghiệp bán lẻ, lập kế hoạch, chỉ đạo và điều phối các hoạt động kinh doanh.

116. Quản lí khách sạn, nhà hàng (1825, 1845, 242)

Quản lí khách sạn, nhà hàng lập kế hoạch, chỉ đạo và phối hợp các hoạt động kinh doanh của khách sạn, nhà hàng theo lĩnh vực chuyên môn. Họ có thể quản lí chung hoặc chuyên về một nghiệp vụ như tiền sảnh (đặt phòng cho khách ở khách sạn), nhà hàng Âu, nhà hàng Á, quầy đồ uống, quán cà phê (chuẩn bị và phục vụ đồ ăn, uống cho khách), buồng phòng (đảm bảo dịch vụ buồng, phòng cho khách), bếp nóng, bếp nguội, bếp bánh (mua nguyên liệu và chế biến món ăn cho khách)... Nhiệm vụ cụ thể của quản lí khách sạn, nhà hàng thay đổi tùy theo bộ phận mà người đó phụ trách.

117. Quản lí nông nghiệp (1821, 1841, 242)

Nhà quản lí nông nghiệp là người làm chủ hoặc đại diện cho chủ sở hữu các trang trại, nông trường. Họ chịu trách nhiệm quản lí chung, lập kế hoạch, chỉ đạo và điều phối các hoạt động sản xuất kinh doanh.

118. Quản trị bệnh viện (1829, 1839, 1849, 242)

Nhà quản trị bệnh viện là chuyên gia về quản trị và quản lí của ngành y tế. Họ đảm bảo rằng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được thực hiện một cách hiệu quả cho bệnh nhân và gia đình thông qua các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu và các tổ chức cung cấp các loại hình dịch vụ y tế khác nhau.

119. Quản lí nhân sự (1212)

Nhà quản lí nhân sự lập kế hoạch, điều phối các hoạt động của một tổ chức để thực hiện chiến lược nhân lực một cách tốt nhất.

120. Chuyên gia quản lí đô thị (2614)

Chuyên gia quản lí đô thị xây dựng và triển khai các kế hoạch, chiến lược liên quan đến sử dụng đất, thiết kế môi trường đô thị, kể cả hệ thống giao thông, hướng dẫn và đảm bảo sự phát triển có trật tự ở các khu dân cư và cộng đồng. Công việc còn liên quan tới việc nghiên cứu, phân tích, tư duy chiến lược, kiến trúc, thiết kế đô thị, tham vấn cộng đồng, khuyến nghị chính sách, thực hiện quản lí đô thị.

121. Cán bộ quan hệ lao động

Cán bộ quan hệ lao động là chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng và duy trì quan hệ lao động hài hòa giữa người sử dụng lao động và người lao động của một doanh nghiệp. Họ hiểu biết sâu về chính sách pháp luật lao động, quan tâm tới các điều kiện làm việc thích hợp và việc làm bền vững cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho cả doanh nghiệp và người lao động trong dài hạn.

122. Chuyên gia dịch vụ pháp lí (2619)

Chuyên gia dịch vụ pháp lí, còn gọi là thư kí luật, sử dụng kiến thức chuyên môn để trợ giúp các chuyên gia pháp lí trong thông tin liên lạc, tài liệu, hỗ trợ nội bộ, hỗ trợ thủ tục và các hoạt động phối hợp quản lí nội bộ trong các văn phòng luật sư, ban pháp chế của các doanh nghiệp lớn và các cơ quan Nhà nước. Họ cũng có thể hỗ trợ các nhà quản lí, chuyên gia pháp lí, các chuyên gia kinh tế có liên quan đến các vấn đề pháp lí, bao gồm cả những người có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, cho vay vốn và các giao dịch tài chính khác.

123. Nhà tâm lí học (2634)

Nhà tâm lí học nghiên cứu các quá trình tâm lí và hành vi của cá nhân hoặc nhóm người. Họ áp dụng kiến thức này để thúc đẩy, điều chỉnh sự phát triển của cá nhân, xã hội, giáo dục hoặc nghề nghiệp.

124. Nhà tư vấn tâm lí (2635)

Nhà tư vấn tâm lí hướng dẫn hoặc tư vấn cho các cá nhân nhằm giúp họ đối phó với những khó khăn về tâm lí, tình cảm và căng thẳng liên quan đến cuộc sống hàng ngày. Những khó khăn đó có thể liên quan đến học tập, nghề nghiệp, hôn nhân, cuộc sống gia đình và phát triển cá nhân.

125. Nhà tư vấn nghề nghiệp (2635)

Nhà tư vấn nghề nghiệp áp dụng các nguyên tắc tâm lí học nghề nghiệp để giúp khách hàng hiểu bản thân mình, hiểu thế giới nghề nghiệp, xây dựng các phương án chọn nghề và chuẩn bị cho nghề nghiệp. Họ phỏng vấn khách hàng, cho làm bản câu hỏi và xác định năng lực hướng nghiệp, cung cấp thông tin về các nghề nghiệp khác nhau. Họ làm việc với khách hàng vào những thời điểm quan trọng trong việc quyết định nghề nghiệp (ví dụ như cuối trung học phổ thông, trung học cơ sở, sau khi tốt nghiệp các cơ sở đào tạo). Họ cũng có thể giúp những người đang có vấn đề về nghề nghiệp (ví dụ như những người không thích nghề của mình, người mất việc làm). Họ có thể tư vấn cá nhân hoặc tư vấn nhóm.

126. Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh (3211, 3212)

Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh phụ trách các thiết bị chẩn đoán hình ảnh trợ giúp các bác sĩ xác định về tình trạng bệnh tật có thể có của bệnh nhân, như máy X quang, điện tim, siêu âm, nội soi, chụp cắt lớp, cộng hưởng từ... Người làm nghề này hiểu về cơ thể con người, điều kiện y tế và chăm sóc bệnh nhân. Họ cũng nắm vững cách vận hành thiết bị và lưu giữ hồ sơ.

127. Kỹ thuật viên nhãn khoa (3254)

Kỹ thuật viên nhãn khoa, còn gọi là y tá nhãn khoa, hỗ trợ chẩn đoán, điều trị các vấn đề sức khỏe liên quan đến thị giác và mắt, bao gồm đo và chỉ định kính, kính áp tròng, chẩn đoán và điều trị (không bao gồm phẫu thuật) bất thường về cơ, chấn thương mắt nhỏ, chẩn đoán, điều trị các bệnh như bệnh tăng nhãn áp và các chẩn đoán khác như tổn thương võng mạc do tiểu đường; tiến hành giáo dục sức khỏe, chăm sóc thị lực cho các nhóm bệnh nhân đặc biệt cũng là công việc của y tá nhãn khoa.

128. Tên nghề: Kỹ thuật viên y tế (321)

Kỹ thuật Y Sinh (KTYS) là một lĩnh vực liên ngành ứng dụng kỹ thuật tiên tiến (như nano, tế bào gốc, y tế viễn thông) vào việc tạo ra các phương pháp nghiên cứu và thiết bị phục vụ cho sức khỏe cũng như giúp hiểu biết sâu hơn về con người. KTYS bao gồm các lĩnh vực như Thiết bị y tế, Điện tử Y Sinh, Y học tái tạo, Kỹ thuật dược. Những sản phẩm của ngành KTYS bao gồm máy CT-cắt lớp, X-quang, trợ tim, nội soi, các bộ phận nhân tạo trong cơ thể, dược phẩm và vật liệu sinh học. Lĩnh vực này phù hợp với những người yêu thích thiết kế, chế tạo kinh doanh hay nghiên cứu khoa học và y học lâm sàng.

129. Đại lí bảo hiểm (3321)

Đại lí bảo hiểm bán bảo hiểm nhân thọ, tai nạn, ô tô, trách nhiệm dân sự, hỏa hoạn, hàng hải và sản phẩm bảo hiểm khác cho các khách hàng mới và khách hàng hiện hữu.

130. Nhà quản lý sự kiện (3332)

Nhà quản lý sự kiện làm công việc quản lý và điều hành sự kiện. Họ tổ chức và phối hợp các dịch vụ cho các hội nghị, sự kiện, tiệc, đám cưới, triển lãm, hội thảo và các sự kiện đặc biệt.

131. Chuyên gia quản trị bất động sản (3334)

Chuyên gia quản trị bất động sản, còn gọi là đại lý bất động sản và quản lý tài sản, thay mặt khách hàng sắp xếp việc mua, bán, cho thuê bất động sản, tài sản và hưởng lợi trên cơ sở nhận hoa hồng từ các thương vụ thực hiện được.

132. Nhân viên công tác xã hội (3412)

Nhân viên công tác xã hội làm việc với các nhóm và cộng đồng. Họ tìm hiểu các vấn đề xã hội, hướng dẫn cho đối tượng gặp khó khăn trong các vấn đề xã hội và vấn đề liên quan nhằm giúp họ tìm kiếm và sử dụng các nguồn lực để vượt qua khó khăn và đạt được mục tiêu cụ thể.

133. Đại lý du lịch và lữ hành (4221)

Đại lý du lịch và lữ hành tiến hành tư vấn và tổ chức tour du lịch, lập kế hoạch hành trình và lịch trình đi lại, ăn nghỉ cho khách du lịch, tổ chức hoặc bán tour du lịch trọn gói cho khách.

134. Tiếp viên hàng không hoặc tiếp viên trên phương tiện vận tải

Tiếp viên, còn gọi là chiêu đãi viên, là người trực tiếp cung cấp dịch vụ cá nhân nhằm đảm bảo sự an toàn và thoải mái của hành khách. Họ phục vụ bữa ăn, đồ uống trên máy bay và trên tàu.

135. Thợ chế biến thực phẩm (7513)

Thợ chế biến thực phẩm là người tham gia trực tiếp vào công việc chế biến thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm của dây chuyền chế biến thực phẩm từ nguyên liệu đến thành phẩm; tổ chức sản xuất và chế biến thực phẩm ở quy mô vừa và nhỏ.

136. Đầu bếp

Người đầu bếp chế biến và làm các món ăn, hiểu biết về dinh dưỡng, đảm bảo các món ăn ngon, an toàn thực phẩm và đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết.

137. Tên nghề: Phụ bếp

Phụ bếp giúp đầu bếp, bếp trưởng, bếp phó thực hiện chế biến và làm các món ăn và các hoạt động khác liên quan đến nấu nướng.

138. Tên nghề: Phục vụ bàn

Bồi bàn là người giới thiệu, tư vấn và phục vụ các món ăn, đồ uống cho khách hàng.

139. Tên nghề: Lễ tân

Lễ tân là người tiếp xúc, đón tiếp khách đến làm việc, tiếp nhận và xử lý thông tin ban đầu, hỗ trợ các hoạt động của cơ quan với khách hàng.

140. Tên nghề: Nhân viên văn phòng

Nhân viên văn phòng làm việc trong lĩnh vực hành chính văn phòng, thực hiện các công việc thuộc hành chính của các cơ quan, tổ chức, công ty...

NHÓM NGHỀ THỂ CHẤT – CƠ KHÍ

141. Kỹ sư bảo dưỡng máy bay (2144)

Các kỹ sư bảo dưỡng máy bay đảm bảo máy bay đủ điều kiện hoạt động. Họ chỉ đạo, giám sát và thực hiện việc bảo trì, sửa chữa và đại tu kết cấu và động cơ máy bay.

142. Kỹ sư mỏ (2146)

Kỹ sư mỏ áp dụng các nguyên tắc vật lý, địa chất và hóa học để thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản thiên nhiên. Về bản chất, hoạt động khai thác này gây ra sự xáo trộn môi trường trong và xung quanh khu vực có khoáng sản. Do đó, kỹ sư mỏ ngày nay không phải chỉ chú ý về phương diện khai thác và chế biến khoáng sản mà còn phải quan tâm tới vấn đề giảm nhẹ thiệt hại hoặc ảnh hưởng xấu gây ra cho môi trường.

143. Kỹ sư khai thác dầu khí (2146)

Kỹ sư khai thác dầu khí ứng dụng các nguyên tắc vật lý, địa chất và hóa học để phát hiện và khai thác dầu và khí từ các mỏ dầu khí dưới lòng đất và dưới biển.

144. Kỹ thuật viên chỉnh hình và phục hình (2221)

Kỹ thuật viên chỉnh hình và phục hình phục vụ, chăm sóc bệnh nhân khuyết tật ở các bộ phận chân, tay, cột sống hay bị mất một phần hoặc toàn bộ chân, tay bằng cách lắp và chuẩn bị trụ chống chỉnh hình, chân, tay giả theo chỉ đạo, ý kiến của bác sĩ

145. Kỹ thuật viên cơ – điện tử

Kỹ thuật viên cơ - điện tử làm việc trong một lĩnh vực liên quan tới nhiều ngành nghề kỹ thuật như kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, kỹ thuật điều khiển và kỹ thuật máy tính. Sáng tạo robot là một ví dụ về công việc trong lĩnh vực cơ điện tử.

146. Kỹ sư hàng hải

Kỹ sư hàng hải kiểm soát và tham gia hoạt động điều khiển, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí, điện, điện tử và máy móc trên tàu hoặc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ trên bờ.

147. Công an (2445)

Công an thi hành các quy định luật pháp và trật tự xã hội, đảm bảo ổn định cho xã hội, trật tự kỉ cương, bảo vệ lợi ích của nhà nước trong xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

148. Vũ công và biên đạo múa (2653)

Biên đạo múa sáng tác các điệu múa. Vũ công là người biểu diễn các điệu múa.

149. Kỹ thuật xây dựng (3112)

Cán bộ kỹ thuật xây dựng thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật trong nghiên cứu kỹ thuật dân dụng, thiết kế, xây dựng, thực hiện, duy tu và sửa chữa các nhà cao tầng và các công trình xây dựng khác như cung cấp nước, hệ thống xử lý nước thải, cầu, đường, đập nước và sân bay.

150. Kỹ thuật thủy lợi

Cán bộ kỹ thuật thủy lợi lập qui hoạch, thiết kế và duy tu các hệ thống vận chuyển và phân phối nước cho các vùng sản xuất nông nghiệp và các cụm dân cư. Họ giám sát việc xây dựng, lắp đặt các hệ thống phân phối, tưới tiêu và vận hành sao cho đạt kết quả tối ưu cho trồng trọt hoặc nuôi trồng.

151. Kỹ thuật điện trong công nghệ thông tin và truyền thông (3113)

Cán bộ kỹ thuật điện trong ngành CNTT&TT làm công tác kỹ thuật về hệ thống điện của các thiết bị CNTT&TT. Họ lắp đặt, bảo trì, vận hành và sửa chữa hệ thống điện của máy tính, điện thoại...

152. Kỹ thuật điện trong phát và truyền tải điện (3113, 3131)

Cán bộ kỹ thuật điện trong phát và truyền tải điện làm công việc vận hành bằng điều khiển và máy móc thiết bị của nhà máy phát điện và các công ty truyền tải, hoặc sửa chữa bảo dưỡng phần điện của nhà máy, trạm, đường dây.

153. Kỹ thuật tua-bin (3113)

Tua-bin là các thiết bị cơ khí sản xuất năng lượng bằng cách xoay nhờ các tác động gió, khí hoặc chất lỏng. Cán bộ kỹ thuật tua-bin làm công việc lắp đặt, bảo trì và sửa chữa các thiết bị này.

154. Kỹ thuật viên phần cứng máy tính

Công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) là lĩnh vực liên quan đến tất cả các hình thức truyền thông điện tử, bao gồm điện thoại, máy tính và điện thoại di động. Các kỹ thuật viên trong lĩnh vực này cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho người sử dụng một cách trực tiếp hoặc thông qua điện thoại, thư điện tử hoặc các thiết bị điện tử khác. Họ chẩn đoán và giải quyết các trục trặc về phần cứng, thiết bị ngoại vi, máy tính, mạng, cơ sở dữ liệu và internet. Họ cũng hướng dẫn và hỗ trợ triển khai, lắp đặt và bảo trì các hệ thống này.

155. Kỹ thuật viên điện đài trên tàu thủy (3114)

Kỹ thuật viên điện đài trên tàu thủy điều hành hoạt động của thiết bị vô tuyến trên tàu để nhận và truyền tải điện văn mã hóa từ điện thoại vô tuyến hoặc hệ thống điện báo vô tuyến.

156. Kỹ thuật viên cơ khí trong sản xuất, lắp ráp và sửa chữa (3115)

Kỹ thuật viên cơ khí trong sản xuất, lắp ráp và sửa chữa là những kỹ thuật viên được đào tạo về sản xuất, lắp ráp, bảo trì và sửa chữa các bộ phận cấu thành của tất cả các loại máy móc cơ khí, bao gồm cả động cơ và tua-bin.

157. Kỹ thuật viên giao thông vận tải⁷

Kỹ thuật viên giao thông vận tải là những người làm kỹ thuật chuyên môn trong việc đảm bảo hoạt động thông suốt của tất cả các loại phương tiện vận tải công cộng như taxi, xe buýt, xe lửa, xe điện cũng như các loại phương tiện đường thủy như tàu, thuyền, phà và xuồng.

⁷ Chưa có mã nghề cấp 4

158. Kỹ thuật viên khai thác mỏ (3117)

Kỹ thuật viên khai thác mỏ làm công việc hỗ trợ kỹ thuật để thăm dò khoáng sản, kim loại và dầu khí (như than, vàng, sắt, dầu thô, khí thiên nhiên) trên đất liền hoặc dưới biển, khai thác, vận chuyển và lưu trữ quặng và nguyên liệu thô có chứa khoáng chất, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và giảm thiểu tác động môi trường.

159. Kỹ thuật viên luyện kim (3117)

Kỹ thuật viên luyện kim làm công việc hỗ trợ kỹ thuật trong nghiên cứu và phát triển các phương pháp tiến bộ để chiết xuất kim loại từ quặng và luyện kim loại. Đó là những công việc liên quan đến chiết xuất kim loại, tinh chế thành các loại kim loại khác nhau, pha trộn kim loại thành hợp kim và chế biến kim loại theo mục đích sử dụng trong các ngành công nghiệp khác nhau.

160. Vận hành máy móc (3131-35-39, 8111-14, 8122, 8131-32, 8142-43, 8151-57-59, 8160, 8171-72, 8181-83-89)

Kỹ thuật viên kỹ thuật cơ khí vận hành máy móc giám sát, vận hành và kiểm tra tại chỗ hoặc bằng điều khiển từ xa hoạt động của các loại máy móc và thiết bị.

Có rất nhiều loại máy móc thiết bị khác nhau và nhiệm vụ cụ thể của người vận hành phụ thuộc vào loại máy móc thiết bị và vị trí cụ thể của người đó.

161. Kỹ thuật viên vận hành thiết bị lọc dầu và khí thiên nhiên (3134)

Kỹ thuật viên vận hành nhà máy lọc dầu và khí thiên nhiên, còn gọi là người vận hành thiết bị tinh chế dầu và khí thiên nhiên, làm công tác vận hành và giám sát hoạt động của các hệ thống máy móc thiết bị, điều chỉnh, duy tu bảo dưỡng các thiết bị chế biến, lọc, tinh chế, chưng cất và xử lý dầu thô và các sản phẩm từ dầu hoặc khí thiên nhiên.

162. Kỹ thuật viên bảo vệ môi trường (3141)

Kỹ thuật viên bảo vệ môi trường (BVMT) tiến hành các xét nghiệm trong phòng thí nghiệm và trên thực địa để giám sát môi trường và phát hiện nguồn gốc vấn đề, kể cả những vấn đề gây ảnh hưởng tới sức khỏe. Họ làm việc dưới sự chỉ đạo của các kỹ sư và nhà khoa học môi trường.

163. Kỹ thuật viên lâm nghiệp (3143)

Kỹ thuật viên lâm nghiệp thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, bảo tồn và khai thác rừng khi cần thiết để bán hoặc phân phối các sản phẩm lâm nghiệp một cách thường xuyên cho người mua buôn, tổ chức buôn bán thương mại hoặc tại các chợ.

164. Điều khiển phương tiện đường thủy (3152)

Họa tiêu và nhân viên văn phòng trên tàu chỉ huy và điều khiển tàu thủy và các tàu chở hàng tương tự, thực hiện các chức năng liên quan trên biển.

165. Phi công (3153)

Phi công phương tiện bay và kỹ thuật viên hỗ trợ liên quan kiểm soát hoạt động của các thiết bị cơ khí, điện và điện tử để điều khiển phương tiện bay vận chuyển hành khách, thư tín, hàng hóa và thực hiện các nhiệm vụ trước và trong khi bay.

166. Kiểm soát viên không lưu (3154)

Kiểm soát viên không lưu, còn gọi là kiểm soát viên giao thông đường hàng không, hướng dẫn hướng bay trên không trung, và dưới mặt đất qua các thiết bị như đài, ra-đa hay hệ thống đèn và cung cấp thông tin cần thiết cho hoạt động của phương tiện bay.

167. Kỹ thuật viên y tế: công nghệ y học hạt nhân (3211, 3212)

Hiện nay, ngành y tế ứng dụng nhiều công nghệ hạt nhân qua sử dụng các vật liệu phóng xạ để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị bệnh. Kỹ thuật viên công nghệ y học hạt nhân làm công việc vận hành máy móc liên quan đến y học hạt nhân, như máy chụp cắt lớp, chụp cộng hưởng từ, máy chạy tia gamma...

168. Kỹ thuật viên phòng xét nghiệm (3212)

Kỹ thuật viên phòng xét nghiệm trong các bệnh viện, cơ sở y tế, pháp y, còn gọi là kỹ thuật viên phòng thí nghiệm y tế, tiến hành các xét nghiệm sinh hóa, kiểm tra bằng kính hiển vi và soi vi khuẩn trong phòng thí nghiệm để kiểm tra máu, mô và các chất dịch của bệnh nhân, tử thi để tìm ra nguyên nhân gây bệnh hoặc tử vong.

169. Kỹ thuật viên y tế: kỹ thuật viên phẫu thuật (3221)

Kỹ thuật viên phẫu thuật, còn là kỹ thuật viên phòng mổ, làm việc dưới sự giám sát của bác sĩ phẫu thuật, y tá, bác sĩ gây mê hoặc nhân viên phẫu thuật khác. Trách nhiệm của họ là chuẩn bị phòng mổ và bệnh nhân trước ca phẫu thuật và thực hiện chăm sóc bệnh nhân ngay sau khi hoàn thành ca phẫu thuật.

170. Kỹ thuật viên y tế: kỹ thuật viên và phụ tá nha khoa (3251)

Kỹ thuật viên và phụ tá nha khoa trợ giúp cho bác sĩ nha khoa trong tư vấn, chẩn đoán, phòng và chữa bệnh về răng miệng. Về mặt phạm vi và độ phức tạp thì hạn chế hơn so với các nhiệm vụ mà một bác sĩ nha khoa thực hiện.

171. Vận động viên và người chơi thể thao chuyên nghiệp (3421, 3422)

Vận động viên và người chơi thể thao chuyên nghiệp tham gia vào một môn thể thao nào đó với tư cách là người chơi hoặc người huấn luyện chuyên nghiệp. Họ tham gia vào các câu lạc bộ, tổ chức hoặc các cuộc thi đấu về các môn thể thao để đạt được thành tích cao. Nhiệm vụ cụ thể của họ phụ thuộc vào công việc cụ thể mà họ đảm nhận.

172. Giáo viên giáo dục thể chất (3422)

Giáo viên giáo dục thể chất, thường gọi là giáo viên thể dục, thực hiện việc giảng dạy các lớp học thể chất, tổ chức các trò chơi, huấn luyện học viên tham gia các trò chơi và các môn thể dục thể thao.

173. Kỹ thuật viên kỹ thuật viễn thông (3522)

Kỹ thuật viên kỹ thuật viễn thông thực hiện các công việc về kỹ thuật liên quan tới nghiên cứu kỹ thuật viễn thông, thiết kế, sản xuất, lắp ráp, xây dựng, vận hành, duy tu và sửa chữa các hệ thống viễn thông.

174. Cảnh sát cứu hỏa (5401)

Cảnh sát cứu hỏa thực hiện công việc ngăn chặn, phòng chống hỏa hạn và dập tắt đám cháy. Họ cũng có nhiệm vụ giải cứu những người bị mắc kẹt trong hỏa hoạn, cứu hàng hoá, tài sản trong và sau hỏa hoạn hoặc tai nạn nghiêm trọng.

175. Trồng trọt (6111-14)

Lao động trồng trọt lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện các hoạt động trồng trọt và thu hoạch các loại cây lương thực, thực phẩm như lúa và cây có hạt, rau và hoa màu, cây công nghiệp như mía đường, thuốc lá, chè, cà phê, cao su, cây ăn quả như bưởi, xoài, cam chanh. Họ cung cấp hoặc bán thường xuyên cho cơ sở bán buôn, doanh nghiệp kinh doanh thương mại hoặc trực tiếp bán ra thị trường.

176. Chăn nuôi gia súc, gia cầm (6121, 6122)

Lao động chăn nuôi gia súc, gia cầm thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc gia súc gia cầm như trâu, bò, cừu, lợn, dê, ngựa, chó, mèo, gà, vịt, ngan, ngỗng, chim... cho các mục đích như làm việc, chơi thể thao hoặc làm thú cảnh, lấy thịt, sữa, lông, da và các sản phẩm khác để cung cấp hoặc bán thường xuyên cho cơ sở bán buôn, doanh nghiệp kinh doanh thương mại hoặc trực tiếp bán ra thị trường.

177. Nuôi ong và nuôi tằm (6123)

Lao động nuôi ong và nuôi tằm lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động nuôi và chăm sóc cần thiết đối với các loài ong mật và tằm để sản xuất và bán mật ong, sáp ong, kén tằm một cách thường xuyên cho người mua buôn, tổ chức thương mại hoặc người bán lẻ ở chợ.

178. Thợ đường ống (7126)

Thợ đường ống lắp đặt, thay thế và bảo dưỡng hệ thống ống dẫn và máy móc cho đường cấp nước, khí đốt, hệ thống thoát nước, hệ thống cống rãnh và thiết bị chạy bằng sức nước và khí nén.

179. Thợ chế tạo khuôn và công cụ (7211)

Thợ chế tạo khuôn và công cụ chế tạo các loại khuôn và lõi khuôn.

180. Thợ mộc và thợ làm đồ gỗ (7115)

Thợ mộc và thợ làm đồ gỗ gia dụng cắt, tạo dáng, lắp ráp, chế tạo và bảo dưỡng sửa chữa nhiều loại công trình và đồ đạc bằng gỗ.

181. Kỹ thuật viên thiết bị lạnh và điều hòa không khí (7127)

Kỹ thuật viên thiết bị lạnh và điều hòa không khí lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa máy điều hòa không khí, hệ thống máy lạnh và các thiết bị liên quan, ví dụ như điều hòa, tủ lạnh, kho lạnh và các hệ thống làm lạnh công nghiệp.

182. Thợ hàn và thợ cắt kim loại bằng nhiệt (7212)

Thợ hàn và thợ cắt kim loại bằng nhiệt hàn và cắt các bộ phận kim loại bằng cách sử dụng lửa khí gas hoặc hồ quang điện và các nguồn nhiệt khác làm chảy rồi cắt hoặc nối kim loại.

183. Kỹ thuật viên cơ khí trong đóng tàu⁸

Đóng tàu là một trong những ngành công nghiệp cổ xưa nhất, bắt nguồn từ việc sử dụng gỗ để chế tạo tàu thuyền. Ngày nay, đóng tàu là một ngành công nghệ cao sử dụng hầu như tất cả các loại hình kỹ thuật chuyên môn. Kỹ thuật viên cơ khí đóng tàu làm công việc đóng thân tàu (phần thân cách nước của một con tàu) cũng như lắp đặt các máy móc bên trong tàu như đường ống và các loại phụ kiện khác nhau.

184. Kỹ thuật viên cơ khí trong gia công kim loại (7213, 7214, 7221, 7222, 7224, 7313)

Gia công kim loại là quá trình gia công, chế biến các kim loại để tạo ra từng bộ phận, phần lắp ráp hoặc các cấu kiện qui mô lớn. Thuật ngữ “gia công kim loại” bao hàm phạm vi rộng các công việc, từ việc gia công các con tàu và cây cầu lớn tới việc gia công các chi tiết động cơ chính xác và đồ trang sức tinh xảo. Thợ gia công kim loại thực hiện các kỹ thuật nguội như ép nguội, uốn nguội, kéo nguội, cắt nguội, hoặc các kỹ thuật rèn như rèn nóng, rèn ấm và rèn nguội.

⁸ Chưa có mã nghề cấp 4

185. Thợ cơ khí và sửa chữa xe có động cơ (7231)

Thợ cơ khí và sửa chữa xe có động cơ làm công việc bảo trì, sửa chữa động cơ và các bộ phận cơ khí của xe máy, xe ô tô chở khách, ô tô tải và các loại xe có động cơ khác.

186. Kỹ thuật viên cơ khí nông nghiệp (7233)

Kỹ thuật viên cơ khí nông nghiệp là những người chuyên bảo trì và sửa chữa các loại máy móc sử dụng trong nông nghiệp như máy kéo, máy gặt, hệ thống tưới tiêu và máy bơm.

187. Thợ lặn (7541)

Thợ lặn sử dụng thiết bị chuyên dụng để làm việc dưới nước. Các hoạt động này có thể là để thăm dò tài nguyên thiên nhiên, cứu hộ và tìm kiếm người, tàu và hàng hoá trong trường hợp đắm tàu... Thợ lặn cũng có thể kiểm tra, lắp đặt, sửa chữa các thiết bị dưới nước; kiểm tra, thí nghiệm và chụp ảnh sinh cảnh biển hoặc các cấu trúc dưới nước cho các mục đích thương mại hoặc nghiên cứu. Ngoài lặn dưới nước, còn có lặn HAZMAT là một hình thức lặn mà ở đó các thợ lặn lặn vào một môi trường không phải là nước mà là các chất lỏng khác như bột giấy, xi măng lỏng hoặc bùn dầu.

188. Lái đầu máy xe lửa (8311)

Người lái đầu máy xe lửa và các phương tiện vận chuyển trên đường ray điều khiển hoặc hỗ trợ việc điều khiển đầu máy xe lửa để vận chuyển hành khách và hàng hóa.

189. Lái xe con, taxi và xe tải hạng nhẹ (8322)

Người lái xe con, taxi và xe tải nhẹ điều khiển và giữ gìn xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, xe tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg để vận chuyển hành khách, thư tín và hàng hóa.

190. Lái xe buýt, xe khách và xe điện (8331)

Người lái xe buýt, xe khách trên 30 chỗ ngồi và xe điện điều khiển và giữ gìn xe buýt, xe khách hoặc xe điện để vận chuyển hành khách, thư tín hoặc hàng hóa.

191. Sĩ quan quân đội (0100)

Sĩ quan quân đội là người chỉ huy và quản lý các đơn vị trong lực lượng quốc phòng. Lục quân, hải quân và không quân là ba quân chủng quốc phòng và là lực lượng rất quan trọng đối với việc bảo vệ an ninh quốc gia. Họ bảo vệ lãnh thổ quốc gia bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời. Bạn cũng có thể tham gia vào lực lượng quốc phòng với tư cách là chuyên gia trong nhiều ngành nghề khác nhau (ví dụ như kỹ sư, bác sĩ, y tá, kế toán, bác sĩ thú y, luật sư). Hầu như bất kỳ ngành nghề nào cũng có trong các quân chủng quốc phòng.

192. Lao động trong lâm nghiệp (0621)

Lao động trong lâm nghiệp là nghề liên quan đến trồng cây gây rừng, bao gồm các nhiệm vụ: Tạo cây giống, trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, cải tạo, làm giàu rừng và sản xuất nông lâm kết hợp trên đất nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Các hoạt động nhằm phát triển, duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học các loại rừng; gồm hoạt động trồng rừng tập trung, khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng rừng, chăm sóc rừng mới trồng chưa đạt tiêu chuẩn rừng. Nghề này còn bao gồm cả các hoạt động khai thác, sơ chế gỗ và các lâm sản phục vụ các ngành công nghiệp chế biến...

193. Lao động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản (0622)

Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản (bao gồm cả nước mặn, lợ) là một bộ phận của nền sản xuất nông nghiệp. Nghề này sản xuất ra các loại sản phẩm thủy sản có chất lượng cao phục vụ cho đời sống của nhân dân và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu, góp phần cải tạo môi trường sinh thái. Đồng thời khai thác, đánh bắt các loại thủy sản nước ngọt và nước mặn.

194. Thợ xây (0711)

Thợ xây là những người lao động có tay nghề tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình, nhà cửa.... Thợ xây được chia thành các loại hình sau: thợ nề, thợ mộc, thợ lát thảm, thợ trộn hồ, thợ điện, thợ xây hàng rào, thợ sắt, thợ tô, thợ sửa ống nước, thợ hàn, thợ sơn, thợ mài, trang trí nội thất, thiết kế phong cảnh.

195. Thợ hoàn thiện trong xây dựng (0712)

Thợ hoàn thiện trong xây dựng là nghề chuyên thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp theo đúng các yêu cầu kỹ thuật, quy định, quy phạm theo TCVN, đạt năng suất, chất lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

196. Thợ sơn (0713)

Thợ sơn là những người quét vôi – sơn nước, một khâu trong công việc hoàn thiện công trình xây dựng, nhà ở, cầu, ô tô, các vật dụng có thể sơn được... Các loại thợ sơn khác nhau bao gồm các thợ sơn xây dựng sơn các tòa nhà mới, các thợ sơn bảo dưỡng cải thiện và duy trì lớp sơn, các thợ sơn nghệ thuật áp dụng các kỹ thuật trang trí vào các bề mặt đã sơn, các công nhân sơn thủ công sơn đồ chơi, ô tô, các vật dụng gia đình và các thiết bị khác.

197. Thợ lắp đặt và sửa chữa điện (0741)

Thợ lắp đặt và sửa chữa điện dân dụng đóng góp vai trò vô cùng to lớn cho ngành Điện lực của chúng ta do hiện nay thợ sửa chữa và lắp đặt hệ thống điện dân dụng còn đang thiếu nhân lực trầm trọng. Lắp đặt và sửa chữa điện bao gồm Hệ thống điện trong hộ gia đình, công ty, trường học, chung cư, nhà máy, các cơ sở sản xuất kinh doanh, sửa chữa cơ khí....

198. Thợ lắp đặt và thợ sửa chữa điện tử viễn thông (0742)

Nghề lắp đặt, sửa chữa điện tử viễn thông thực hiện các công việc như: Lắp đặt cáp đồng cũng như các quang, lắp đặt các tủ thiết bị viễn thông, lắp đặt điện và các thiết bị phụ trợ khác; Vận hành, khai thác được các thiết bị cơ bản trong đài trạm viễn thông; Kiểm tra được các chỉ tiêu chất lượng cơ bản của các trang thiết bị; Ứng dụng được một số kỹ thuật công nghệ mới, làm việc độc lập và có khả năng sáng tạo cải tiến trong quá trình làm việc.

199. Thợ lắp ráp (0820)

Thợ lắp ráp là người làm việc trong lĩnh vực sản xuất, chuyên lắp ráp các loại sản phẩm như: lắp ráp máy cơ khí, máy cơ học; lắp ráp thiết bị điện; lắp ráp thiết bị điện tử; lắp ráp các sản phẩm kim loại, cao su, chất dẻo; lắp ráp các sản phẩm gỗ và các sản phẩm liên quan; lắp ráp các sản phẩm bằng giấy, bìa, da.....

SỔ TAY NGHỀ NGHIỆP

TRA CỨU NHANH

Tài liệu này cung cấp thông tin tham khảo giúp cho thanh thiếu niên, các thầy cô giáo và cha mẹ học sinh xây dựng các phương án lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Được biên soạn dựa trên Bảng Phân loại Nghề nghiệp Chuẩn Quốc tế (ISCO-08) và Danh mục Nghề nghiệp Việt Nam, sổ tay mô tả ngắn gọn các nghề nghiệp phổ biến, phù hợp để hướng nghiệp cho thanh thiếu niên trong độ tuổi 15-18. Tài liệu được sử dụng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông, các đơn vị đào tạo nghề và tại cộng đồng.

Văn phòng ILO tại Việt Nam

-  304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
-  Tel: +84 24 38 500 100
-  Email: hanoi@ilo.org
-  www.ilo.org/hanoi
-  www.facebook.com/Vietnam.ILO



ISBN: 9789220330517 (Web PDF)